

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----o0o-----



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Tuấn Anh  
Giảng viên hướng dẫn : ThS Đồng Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TNHH 1TV GREEN LOGISTIC  
CENTRE**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Tuấn Anh  
Giảng viên hướng dẫn : ThS Đồng Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Tuấn Anh

Mã SV: 1513401015

Lớp: QTL 902K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV  
Green Logistic Centre

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Lý luận chung vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.
  - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH 1TV Green Logistic Centre.
  - Một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Green Logistic Centre.
  
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2015 của Công ty TNHH 1TV Green Logistic Centre.
  
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH 1TV Green Logistic Centre.

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: ĐỒNG THỊ NGA

Học hàm, học vị: Thạc sĩ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH  
1TV Green Logistic Centre.

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động.
- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH sản xuất thép Trường Anh.
- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Điểm số :

Điểm chữ :

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2016*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

|  |                                     |
|--|-------------------------------------|
| <b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>  | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.</b> | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền. ....</b>  | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vốn bằng tiền. ..</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền. ....</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền. ....</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ trong doanh nghiệp.</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng. ....</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.2.3 Tài khoản sử dụng và kết cấu tài khoản. ..</b>  | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.2.4 Sơ đồ kế toán vốn tiền mặt. ....</b>  | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng. ....</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.3.1. Nguyên tắc hạch toán tiền gửi ngân hàng.</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.3.2. Chứng từ sử dụng. ....</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.3.3. Kết cấu và tài khoản kế toán sử dụng .....</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.4. Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. ..</b>                            | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.4.1 Hình thức kế toán nhật ký chung. ....</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.4.2 Nhật ký sổ cái. ....</b>  | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.4.3. Chứng từ ghi sổ. ....</b>  | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| <b>1.4.4. Nhật ký-chứng từ .....</b>   | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |

**1.4.5. Kế toán trên máy tính. ....Error! Bookmark not defined.**

**Chương 2 TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH  
1TV GREEN LOGISTIC CENTRE. ....Error! Bookmark not defined.**

**2.1 Giới thiệu chung về Công ty TNHH 1TV Green Logistic Centre. 2.1.1. Quá  
trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH 1TV GREEN LOGISTIC  
CENTRE. ....Error! Bookmark not defined.**

**2.1.2 Khái quát kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong những  
năm gần đây .....Error! Bookmark not defined.**

**2.1.3. Những khó khăn, thuận lợi và thành tích đạt được của công ty trong quá  
trình hoạt động. ....Error! Bookmark not defined.**

**2.1.4. Tổ chức kế toán tại doanh nghiệp.....Error! Bookmark not defined.**

**2.1.4.1 Phòng kế toán .....Error! Bookmark not defined.**

**2.1.4.2.Phòng sản xuất - kỹ thuật.....Error! Bookmark not defined.**

**2.1.4.3 Phòng bảo vệ.....Error! Bookmark not defined.**

**2.1.5. Chế độ và các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty TNHH 1 TV  
GREEN LOGISTIC CENTRE .....Error! Bookmark not defined.**

**2.2. Tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV Green Logistic  
Centre. ....Error! Bookmark not defined.**

**2.2.1 Tổ chức kế toán tiền mặt tại Công ty TNHH 1TV Green Logistic Centre.  
.....Error! Bookmark not defined.**

**2.2.1.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng. ....Error! Bookmark not defined.**

**2.2.1.2.Quy trình hạch toán kế toán tiền mặt tại Công ty TNHH 1TV Green  
Logistic Centre.....Error! Bookmark not defined.**

**2.2.1.3 Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại công ty.Error! Bookmark not  
defined.**

**2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH 1TV Green Logistic**



**Centre. ....Error! Bookmark not defined.**

**2.2.2.1 Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng. ...Error! Bookmark not defined.**

**2.2.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi tại Công ty TNHH 1TV Green Logistic  
Centre. ....Error! Bookmark not defined.**

**2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại Công ty TNHH  
1TV Green Logistic Centre. ....Error! Bookmark not defined.**

**Chương 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM GÓP PHẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC  
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH 1TV GREEN  
LOGISTIC CENTRE ....Error! Bookmark not defined.**

**3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1TV  
Green Logistic Centre. ....Error! Bookmark not defined.**

**3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công  
ty TNHH 1TV Green Logistic Centre. ....Error! Bookmark not defined.**

**LỜI KẾT ....Error! Bookmark not defined.**

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại quốc tế thế giới WTO, thị trường trong nước được mở cửa, điều này tạo cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam phát triển nhưng cũng không ít thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào những cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Các doanh nghiệp đứng trước hai khả năng hoặc là thất bại và phá sản hoặc là tạo dựng được uy tín và phát triển bền vững. Vì vậy, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng tìm mọi biện pháp để nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm, dịch vụ và thu được nhiều lợi nhuận nhất. Để đạt được mục tiêu này, nhà quản lý doanh nghiệp phải nhận thức được vai trò của những thông tin kinh tế như: Quan hệ cung - cầu, mặt hàng giá cả, tình trạng cạnh tranh, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp... Các thông tin số liệu này chỉ có kế toán mới thu thập và tổng hợp được, qua đó giúp cho nhà quản trị hiểu được tình hình tài chính của doanh nghiệp, chính sách phát triển kinh tế của nhà nước Việt Nam cũng như chính sách kinh tế của các quốc gia có quan hệ thương mại và đầu tư để từ đó đưa ra những quyết định phù hợp nhằm gia tăng mức độ thỏa mãn nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng. Hiểu được tầm quan trọng của các thông tin kế toán, các doanh nghiệp luôn muốn tổ chức công tác kế toán của mình thật hoàn chỉnh mang lại hiệu quả cao. Tuy nhiên không phải doanh nghiệp nào cũng làm được điều này vì còn phải cân nhắc đến yếu tố chi phí. Để xây dựng được bộ máy kế toán đảm bảo thực hiện tốt chức năng phản ánh và giám đốc (hai chức năng quan trọng của kế toán) là không phải dễ dàng trong điều kiện kinh phí hạn hẹp.

Quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T. Trong quá trình đó luôn có một bộ phận vốn dừng lại ở hình thái tiền tệ, bộ phận này được gọi là Vốn bằng tiền. Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt, là vật ngang giá chung nên trong quá trình quản lý rất dễ xảy ra thất thoát lãng phí do vậy vốn bằng tiền cần được quản lý một cách chặt chẽ.

Xuất phát từ lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại Green Logistic Centre em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy tầm quan trọng của tiền và công tác kế toán vốn bằng tiền của Xí nghiệp, với những kiến thức thu nhận được trong quá trình học tập tại nhà trường, sự giúp đỡ nhiệt tình của cô chú anh chị trong ban Tài chính- Kế toán, đặc biệt với sự hướng dẫn tận tình của cô Hòa Thị Thanh Hương em đã đi sâu tìm hiểu nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH một thành viên Green Logistic Centre”.

Về mặt kết cấu, ngoài phần mở đầu và kết luận, phần nội dung của luận văn được chia thành 3 chương:

Phần 1: Lý luận chung về công tác kế toán vốn bằng tiền và tổ chức công tác vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.

Phần 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Green Logistic Centre.

Phần 3: Một số ý kiến nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Green Logistic Centre.

Do trình độ và thời gian thực tập có hạn, công tác quản lý hạch toán vốn bằng tiền rất phức tạp nên bản luận văn mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu và chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em kính mong được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

## **PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ TỔ CHỨC CÔNG KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Tổng quan về vốn bằng tiền và tổ chức kế toán vốn bằng tiền.**

#### ***1.1.1 Khái niệm vốn bằng tiền.***

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, một doanh nghiệp muốn đứng vững trên thị trường là làm ăn có hiệu quả thì nhất thiết phải có một lượng vốn nhất định. Qua mỗi giai đoạn vận động không bao giờ ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô.

Vốn bằng tiền của doanh nghiệp là một bộ phận của tài sản lưu động, được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ, nó tồn tại dưới hình thái giá trị và thực hiện chức năng phương tiện thanh toán trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### ***1.1.2 Đặc điểm vốn bằng tiền.***

Vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận và ăn cắp. Vì thế trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi sự ăn cắp hoặc lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của nhà nước.

#### ***1.1.3 Phân loại vốn bằng tiền.***

- Theo hình thức tồn tại, vốn bằng tiền của doanh nghiệp được chia thành.
  - + Tiền Việt Nam
  - + Ngoại tệ
  - + Vàng, Bạc, Kim khí quý, Đá quý.
- Nếu phân loại theo hình thái tồn tại Vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm:
  - + Tiền tồn tại quỹ: Gồm giấy bạc việt nam, ngoại tệ, bạc vàng, kim khí quý, đá quý, ngân phiếu hiệ đang được giữ tại kết của doanh nghiệp để phục vụ nhu cầu chi tiêu trực tiếp hằng ngày trong sản xuất kinh doanh.

+ Tiền gửi ngân hàng: Là tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý mà doanh nghiệp đang gửi tại ngân hàng.

+ Tiền đang chuyển: Là tiền đang trong quá trình vận động từ trạng thái này sang trạng thái khác. Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc ngưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng, kho bạc hoặc đã làm thủ tục chuyển tiền qua bưu điện để thanh toán nhưng chưa nhận được giấy báo của đơn vị được hưởng thụ.

#### ***1.1.4 Vị trí và vai trò của vốn bằng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.***

##### ***1.1.4.1 Vị trí.***

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn bằng tiền nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó vốn bằng tiền có một vị trí rất quan trọng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

##### ***1.1.4.2 Vai trò của vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.***

Trong quá trình sản xuất kinh doanh vốn bằng tiền vừa được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp hoặc mua sắm vật tư, hàng hóa sản xuất kinh doanh, vừa là kết quả của việc mua bán hoặc thu hồi các khoản nợ. Thiếu vốn là một trong những trở ngại và là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp. Do đó vốn bằng tiền đóng một vai trò rất quan trọng đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh được liên tục và đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

#### ***1.1.5 Vai trò và nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.***

##### ***1.1.5.1 Vai trò của kế toán vốn bằng tiền.***

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi

ro cao hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết.

Trong quản lý người ta thường sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán phản ánh giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các loại tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả sao nhất.

#### *1.1.5.2 Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.*

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hạch toán vốn bằng tiền phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- ✓ Theo dõi tình hình thu chi, tăng giảm, thừa thiếu số hiện có của từng loại vốn bằng tiền.
- ✓ Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ, thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu của thủ quỹ và kế toán tiền mặt.
- ✓ Giám đốc thường xuyên thực hiện chế độ quản lý tiền mặt, kỷ luật thanh toán, kỷ luật tín dụng.
- ✓ Tham gia vào công tác kiểm kê quỹ tiền mặt, phản ánh kết quả kiểm kê kịp thời.

## **1.2 Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp.**

### *1.2.1 Những quy định chung về hạch toán vốn kế toán vốn bằng tiền.*

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào ngân hàng phải đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch ( Tỷ giá hối đoái thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh, để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các tài khoản 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước- Xuất trước, Nhập sau – Xuất trước, Giá thực tế đích danh ( Như một loại hàng hóa đặc biệt).

Nhóm tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phản ánh số chênh lệch này trên các tài khoản doanh thu, chi phí tài chính ( Nếu phát sinh trong giai đoạn sản xuất kinh doanh , kể cả doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong hoạt động đầu tư XDCB) hoặc phản ánh vào TK 413 ( Nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB- giai đoạn trước hoạt động) Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập BCTC năm.

Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “ Ngoại tệ các loại” ( TK ngoại bảng cân đối kế toán ).

- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không có đăng ký kinh doanh, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

- Vàng, Bạc, kim khí quý, đá quý theo dõi số lượng , trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế ( Giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng ,

bạc, kim khí quý, đá quý được thanh toán, khi tính giá xuất vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.

Nhóm tài khoản 11- Vốn bằng tiền ,có 3 tài khoản:

- TK 111- Tiền mặt
- TK 112- Tiền gửi ngân hàng
- TK 113- Tiền đang chuyển.

### **1.2.2 Hạch toán kế toán tiền mặt.**

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: Giấy bạc Ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý, đá quý...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được lập và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

#### **1.2.2.1 2.1 Kế toán chi tiết tiền mặt.**

a, Đối với tiền mặt và tiền việt nam.

##### **❖ Các chứng từ, sổ sách sử dụng.**

Việc thu chi tiền mặt tại quỹ có lệnh thu, chi. Lệnh thu, chi này phải có chữ ký của giám đốc ( hoặc người có ủy quyền) và kế toán trưởng. Trên cơ sở lệnh thu, chi kế toán tán thành lập các phiếu thu, chi.

Phiếu thu(hoặc phiếu chi): Do kế toán lập từ 2 đến 3 liên( đặt giấy than viết một lần hoặc in theo mẫu quy định). Sau khi ghi đầy đủ nội dung trên phiếu và ký tên vào phiếu, chuyển cho kế toán trưởng duyệt ( riêng phiếu chi phải có chữ ký của thủ trưởng đơn vị) một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền. Sau khi nhập (hoặc xuất) tiền thủ quỹ phải đóng dấu “đã thu” hoặc “ đã chi” và ký tên vào phiếu thu, giữ một liên để ghi sổ quỹ , một liên cho người nộp (hoặc nhận) tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Trường hợp phiếu thu, phiếu chi gửi ra ngoài doanh nghiệp, liên gửi ra ngoài doanh nghiệp phải được đóng dấu. Phiếu thu, phiếu chi được đóng thành từng



quyển và phải ghi sổ từng quyển dùng trong một năm. Trong mỗi phiếu thu( phiếu chi), sổ của từng phiếu thu, phiếu chi phải được đánh liên tục trong một kỳ kế toán.

Ngoài phiếu thu, phiếu chi là căn cứ chính để hạch toán vào TK 111 có cần các chứng từ gốc có liên quan khác và phiếu thu hoặc phiếu chi như giấy đề nghị tạm ứng, giấy thanh toán tiền tạm ứng, hóa đơn bán hàng, biên lai thu tiền.

Kế toán tiền mặt sau khi nhận được phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ gốc do thủ quỹ chuyển đến phải kiểm tra chứng từ và cách ghi chép trên các chứng từ để tiến hành định khoản. Sau đó mới ghi vào “ Sổ kế toán chi tiết quỹ tiền mặt” dùng cho kế toán tiền mặt được mở theo mẫu số S07a-DN tương tự sổ quỹ tiền mặt, chỉ khác là có thêm cột F”tài khoản đối ứng” để kế toán định khoản nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bên Nợ, bên Có Tk 111- Tiền mặt.

❖ Nguyên tắc hạch toán.

- Chỉ phản ánh vào Tk 111” Tiền mặt” số tiền mặt, ngoại tệ thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của đơn vị ) thì không ghi vào bên Nợ TK 111 “ Tiền mặt” mà ghi vào bên Nợ TK 113 “ Tiền đang chuyển”
- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký quỹ, ký cược tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của đơn vị.
- Khi tiến hành Nhập, Xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ xuất ký đính kèm.
- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ quỹ tiền mặt, ghi chép hằng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản phải thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền

mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch kế toán và thủ quỹ phải kiểm kê trả lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

b, Đối với tiền mặt là ngoại tệ.

❖ Các quy định chung:

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ Liên Ngân hàng do Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để ghi sổ kế toán.

Bên Có TK 1112 được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 theo một trong các phương pháp: Bình quân gia quyền, Nhập trước- Xuất trước, Nhập sau-Xuất trước, Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt).

Tiền mặt bằng ngoại tệ ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên TK 007 “Ngoại tệ các loại” (TK ngoài bảng cân đối kế toán).

*Việc quy đổi ra đồng Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:*

Đối với tài khoản thuộc loại chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hóa tài sản cố định dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán, khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413-Chênh lệch tỷ giá.

Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể sử dụng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 413.

❖ Hạch toán thu đối với ngoại tệ.

Nhập quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ kế toán căn cứ vào tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá mua bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi sang đồng Việt Nam.

❖ Hạch toán chi đối với ngoại tệ

Xuất quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ để thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế thu ngoại tệ trong kỳ là tỷ giá phát sinh nghiệp vụ chi ngoại tệ thì phản ánh số chênh lệch này trên TK 515( Nếu lãi tỷ giá hối đoái) hoặc TK 635 -Chi phí tài chính (Nếu lỗ tỷ giá hối đoái).

❖ Thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ( Đơn vị tiền tệ bằng với đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán) theo tỷ giá hối đoái bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm tài chính có thể phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái( Lãi hoặc Lỗ). Doanh nghiệp phải chi tiết khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XDCB( giai đoạn trước hoạt động), (TK 4132) và của hoạt động sản xuất kinh doanh( TK 4131).

c, Đối với tiền mặt là Vàng, Bạc, Kim khí quý, Đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các tài sản này thì phản ánh vào TK 111(1113). Do vàng, bạc, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: Ngày mua mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán...Các loại vàng, bạc, đá quý được ghi sổ theo tỷ giá thực tế, khi xuất có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá thực tế như: Phương pháp bình quân gia quyền, Nhập trước-Xuất trước, Nhập sau-Xuất trước hay phương pháp thực tế đích danh.

### 1.2.2.2 2.2 Kế toán tổng hợp tiền mặt.

\*Chứng từ sổ sách sử dụng.

Cũng tương tự như kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp tiền mặt sử dụng các chứng từ để hạch toán như phiếu thu, phiếu chi, các lệnh chi, các hợp đồng. Khi phát sinh nghiệp vụ thu, chi tiền kế toán sẽ lập phiếu thu(phiếu chi) trình giám đốc, kế toán trưởng duyệt rồi chuyển chu thủ quỹ thu tiền và cập nhật số liệu vào sổ quỹ tiền mặt, sau đó kế toán tiền mặt sẽ tiến hành định khoản, ghi sổ cái và các sổ liên quan. Cuối kỳ kế toán tiền mặt đối chiếu số liệu để lên bảng cân đối và các bảng báo cáo kế toán khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán tiền mặt tại quỹ kế toán sử dụng TK 111”Tiền mặt”, kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này bao gồm:

#### **Bên Nợ:**

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ(đối với tiền mặt ngoại tệ)

#### **Bên Có:**

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.
- Số tiền mặt ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ(đối với tiền mặt ngoại tệ)

#### **Số dư bên Nợ:**

Các khoản tiền mặt ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

TK 111-Tiền mặt, Có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1111-Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt.
- TK 1112- Tiền ngoại tệ : Phản ánh tình hình thu, chi ngoại tệ.

-TK 1113- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất tồn quỹ.

**❖ Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.**

- Kế toán tiền mặt là tiền Việt Nam.

+ Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp lao vụ, dịch vụ bằng tiền mặt nhập quỹ:

Nợ TK 111(1111) – số thanh toán

Có TK 511 – Số chưa thuế

Có TK 33311 (nếu có) – Số tiền thuế GTGT

+ Thu tiền mặt nhập quỹ từ hoạt động tài chính và hoạt động khác:

Nợ TK 111(1111) – Số thanh toán

Có TK 515 – Doanh thu chưa tính thuế hoạt động tài chính

Có TK 711 – Doanh thu chưa thuế hoạt động khác

Có TK 33311 – Số tiền thuế GTGT

+ Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt

Nợ TK 111(1111) – Số nhập quỹ

Có TK 112 – Số rút tiền gửi ngân hàng

+ Thu hồi các khoản phải thu bằng tiền mặt

Nợ TK 111(1111) – Số thu

Có TK 131, 136, 1388 ... Số thu

+Thu hồi các khoản kí quỹ, ký cược bằng tiền, vàng nhập quỹ.

Nợ TK 111(1111) – Số thu hồi

Có TK 144, 244 – Số thu hồi

+ Nhận kí cược, ký quỹ của đơn vị khác bằng tiền, vàng nhập quỹ

Nợ TK 111(1111) – Số nhận

Có TK 338, 334 – Số nhận

+ Các khoản thừa quỹ tiền mặt khi kiểm kê.

Nợ TK 111(1111) – Số phát hiện thừa

Có TK 3381 - Số phát hiện thừa

+ Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng.

Nợ TK 112 – Số gửi vào ngân hàng

Có TK 111(1111) – Số xuất quỹ tiền mặt

+Xuất quỹ tiền mặt mang đi thuế chấp, ký cược, ký quỹ

Nợ TK 144, 244 – Số mang đi thuế chấp, ký quỹ, ký cược

Có TK 111(1111) - Số mang đi thuế chấp, ký quỹ, ký cược

+Xuất quỹ tiền mặt mua vật tư, hàng hoá

Nợ TK 152, 153, 156 – Giá mua chưa thuế

Nợ TK 133 (nếu có) - Số tiền thuế

Có TK 111(1111) – Số thanh toán

+ Xuất quỹ tiền mặt mua tài sản cố định, chi cho công tác xây dựng cơ bản.

Nợ TK 211, 241 – Giá trị chưa thuế

Nợ TK 133 – Số tiền thuế

Có TK 111(1111) – Số thanh toán

+ Xuất quỹ tiền mặt mua chứng khoán, đầu tư tài chính

Nợ TK 121, 221, 223, 228,...Giá thực tế

Có TK 111(1111) – Số chi tiền mặt

+ Xuất quỹ tiền mặt cho vay vốn hoặc góp vốn liên doanh

Nợ TK 128 – Vay vốn ngắn hạn

Nợ TK 228 – Vay dài hạn

Nợ TK 222 – Góp vốn liên doanh

Có TK 111(1111) – Số xuất quỹ tiền mặt

+ Xuất quỹ tiền mặt chi trả lương

Nợ TK 334 – Số thanh toán

Có TK 111(1111) – Số chi tiền mặt

+ Xuất quỹ tiền mặt thanh toán các khoản nợ phải trả

Nợ TK 331, 336, 3388, 333 – Số thanh toán

Có TK 111(1111) – Số xuất quỹ tiền mặt

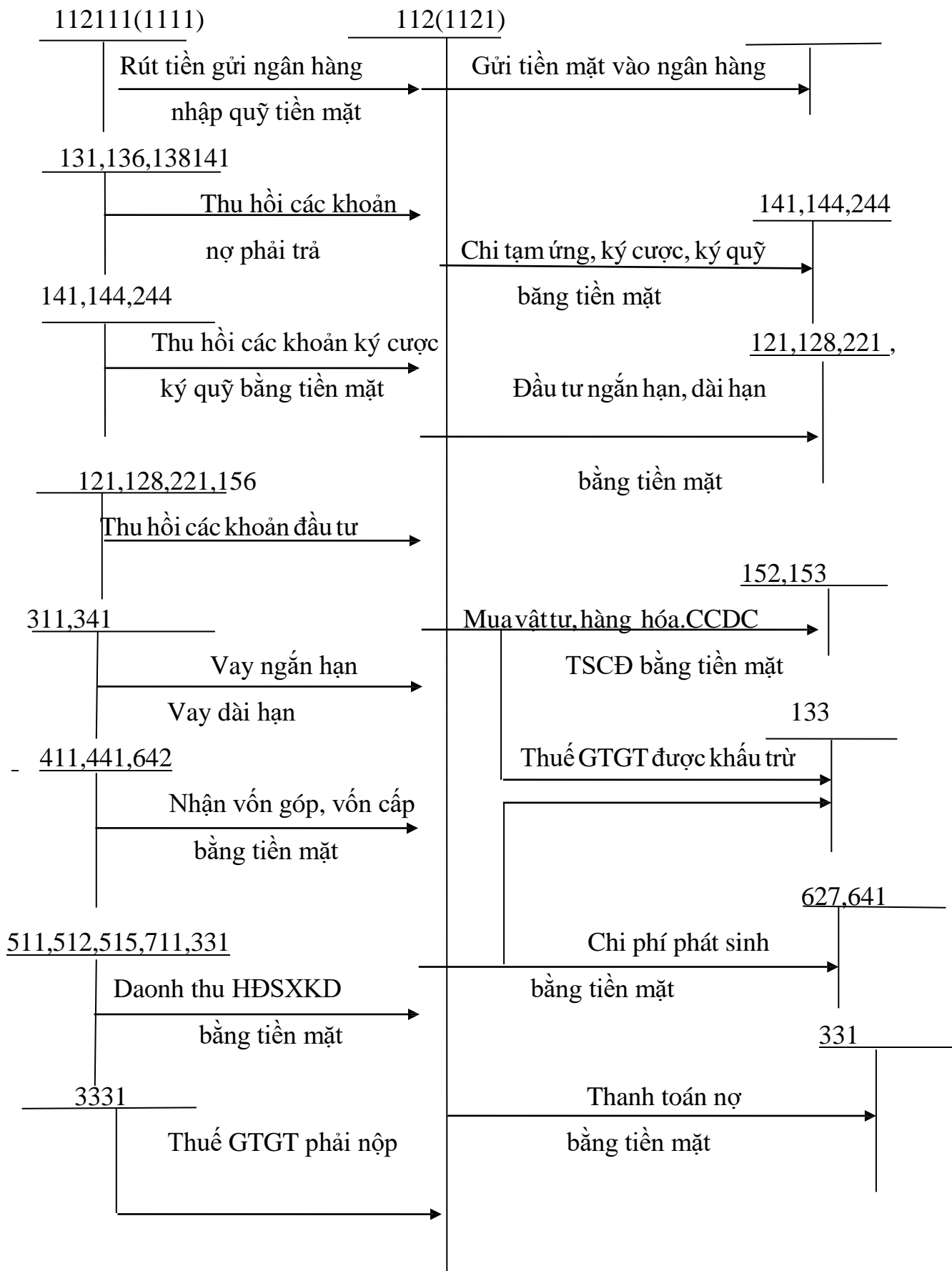
+ Kiểm kê quỹ phát hiện thiếu

Nợ TK 1381 – Số kiểm kê thiếu

Có TK 111(1111) - Số kiểm kê thiếu

Hạch toán kế toán tiền mặt Việt Nam đồng được thể hiện qua sơ đồ sau:(Sơ đồ 1.1)

Sơ đồ 1.1: Hạch toán kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam.



b, Kế toán tiền mặt là ngoại tệ.

Khi phản ánh ngoại tệ được quy đổi ra tiền Việt Nam vào các tài khoản có liên quan cần đảm bảo các nguyên tắc

- Đối với các tài khoản vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, doanh thu, chi phí có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ thì luôn luôn được ghi sổ theo giá thực tế.

- Đối với các tài khoản phản ánh vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả thì sử dụng tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá hạch toán để ghi sổ kế toán.

+ Trường hợp doanh nghiệp có ít nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ thì có thể sử dụng ngay tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán.

+ Trường hợp doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến ngoại tệ, để đơn giản và thuận tiện cho việc ghi sổ kế toán hàng ngày, có thể sử dụng tỷ giá hạch toán. Tỷ giá hạch toán là tỷ giá được sử dụng ổn định trong một kỳ kế toán, có thể sử dụng tỷ giá thực tế ở cuối kỳ trước làm tỷ giá hạch toán cho kỳ này.

*Phương pháp phản ánh các nghiệp vụ phát sinh*

Trường hợp doanh nghiệp chỉ sử dụng tỷ giá thực tế:

+ Doanh thu bán chịu phải thu bằng ngoại tệ

Nợ TK 131 – Phải thu khách hàng (theo tỷ giá thực tế tại thời điểm nợ phải thu)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng

+ Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp bằng ngoại tệ

Nợ TK 111(1112) – Ngoại tệ nhập quỹ (Theo tỷ giá tại thời điểm thu được nợ)

Hoặc Nợ TK 112(1122) – Ngoại tệ gửi ngân hàng (theo tỷ giá thực tế lúc thu được nợ)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (tỷ giá thực tế tại thời điểm thu được nợ nhỏ hơn tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ phải thu)

Có TK 131 – Phải thu khách hàng (theo tỷ giá lúc ghi nhận nợ phải thu)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (tỷ giá thực tế tại thời điểm thu được nợ lớn hơn tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ phải thu)

+ Doanh thu bán hàng thu bằng ngoại tệ

Nợ TK 111(1112) – Ngoại tệ nhập quỹ (theo tỷ giá thực tế)

Nợ TK 112(1122) – Ngoại tệ tiền gửi ngân hàng (theo tỷ giá thực tế)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng (theo tỷ giá thực tế)



*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH  
một thành viên Green Logistic Centre*

---

+ Mua sắm vật tư, hàng hoá, tài sản cố định phải chi bằng ngoại tệ

|                                      |                         |
|--------------------------------------|-------------------------|
| Nợ TK 151 – Hàng mua đang đi đường   | theo tỷ giá thực tế     |
| Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu          | tại thời điểm phát sinh |
| Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ          | nh nghiệp vụ            |
| Nợ TK 156 – hàng hoá                 |                         |
| Nợ TK 211 – Tài sản cố định hữu hình |                         |
| Nợ TK 213 – Tài sản cố định vô hình  |                         |

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Chênh lệch do tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ  
nhỏ hơn tỷ giá xuất ngoại tệ) theo tỷ giá

Có TK 111(1112) – Ngoại tệ nhập quỹ thực tế xuất

Có TK 112(1122) – Ngoại tệ gửi ngân hàng ngoại tệ

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Chênh lệch do tỷ giá thực tế tại thời điểm  
phát sinh nghiệp vụ lớn hơn tỷ giá xuất ngoại tệ)

+ Các khoản chi phí phát sinh phải chi bằng ngoại tệ:

|  |                     |
|--|---------------------|
| Nợ TK 627 – Chi phí sản xuất chung       | theo tỷ giá thực    |
| Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng             | tế tại thời điểm    |
| Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp | phát sinh nghiệp vụ |
| Nợ TK 811 – Chi phí khác                 |                     |

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Chênh lệch do tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ  
nhỏ hơn tỷ giá xuất ngoại tệ)

Có TK 111(1112) – Ngoại tệ nhập quỹ theo tỷ giá xuất

Có TK 112(1122) – Ngoại tệ gửi ngân hàng ngoại tệ

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Chênh lệch do tỷ giá thực tế tại thời điểm  
phát sinh nghiệp vụ lớn hơn tỷ giá xuất ngoại tệ)

+ Phản ánh nợ phải trả bằng ngoại về việc mua bán chịu vật tư, hàng hoá, tài sản cố định hoặc  
được cung cấp dịch vụ

|                       |                     |
|-----------------------|---------------------|
| Nợ TK 151,152,153,156 | theo tỷ giá thực tế |
| Nợ TK 211,213,241     | tại thời điểm phát  |
| Nợ TK 627,641,642     | sinh nghiệp vụ      |

Có TK 331 – Phải trả người bán (theo tỷ giá thực tế tại thời điểm ghi nhận nợ phải trả)

+ Chi ngoại tệ để trả nợ người bán

Nợ TK 331 – Phải trả người bán (theo tỷ giá lúc ghi nhận nợ phải trả)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (chênh lệch do giá thực tế lúc ghi nhận nợ phải trả nhỏ hơn giá thực tế xuất ngoại tệ)

theo tỷ giá

Có TK 111(1112) – Ngoại tệ nhập quỹ

xuất ngoại tệ

Có TK 112(1122) – Ngoại tệ gửi ngân hàng

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (chênh lệch do giá thực tế lúc ghi nhận nợ phải trả lớn hơn giá thực tế xuất ngoại tệ)

- Trường hợp doanh nghiệp có sử dụng tỷ giá hạch toán

+ Phản ánh doanh thu bán hàng bằng ngoại tệ

Nợ TK 111 (1112) – Ngoại tệ nhập quỹ ( theo tỷ giá hạch toán )

Nợ TK 112 (1122) – Ngoại tệ gửi ngân hàng ( theo tỷ giá hạch toán )

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (Chênh lệch do tỷ giá thực tế lớn hơn tỷ giá hạch toán )

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng ( theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Chênh lệch do tỷ giá thực tế nhỏ hơn tỷ giá hạch toán )

+ Phản ánh doanh thu bán chịu phải thu bằng ngoại tệ

Nợ TK 131 – Phải thu khách hàng (theo tỷ giá hạch toán)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (chênh lệch do tỷ giá thực tế lớn hơn tỷ giá hạch toán)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng (theo tỷ giá hạch toán)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (chênh lệch do tỷ giá thực tế nhỏ hơn tỷ giá hạch toán)

+ Khách hàng trả nợ doanh nghiệp bằng ngoại tệ

Nợ TK 111(1112) – Ngoại tệ nhập quỹ (theo tỷ giá thực tế)

Hoặc Nợ TK 112(1122) – Ngoại tệ gửi ngân hàng (theo tỷ giá thực tế)

Có TK 131 – Phải thu khách hàng (theo tỷ giá thực tế)

+ Mua sắm vật tư, hàng hoá, tài sản cố định hoặc chi phí phải trả bằng ngoại tệ

Nợ TK 151,152,153,156

Nợ TK 211,213,241

Nợ TK 627,641,642

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (chênh lệch do tỷ giá thực tế nhỏ hơn tỷ giá hạch toán)

Có TK 111(1112) – Ngoại tệ nhập quỹ

---

Có TK 112(1122) – Ngoại tệ gửi ngân hàng

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (chênh lệch do tỷ giá thực tế lớn hơn tỷ giá  
hạch toán)

+ Chi tiền ngoại tệ để trả nợ người bán

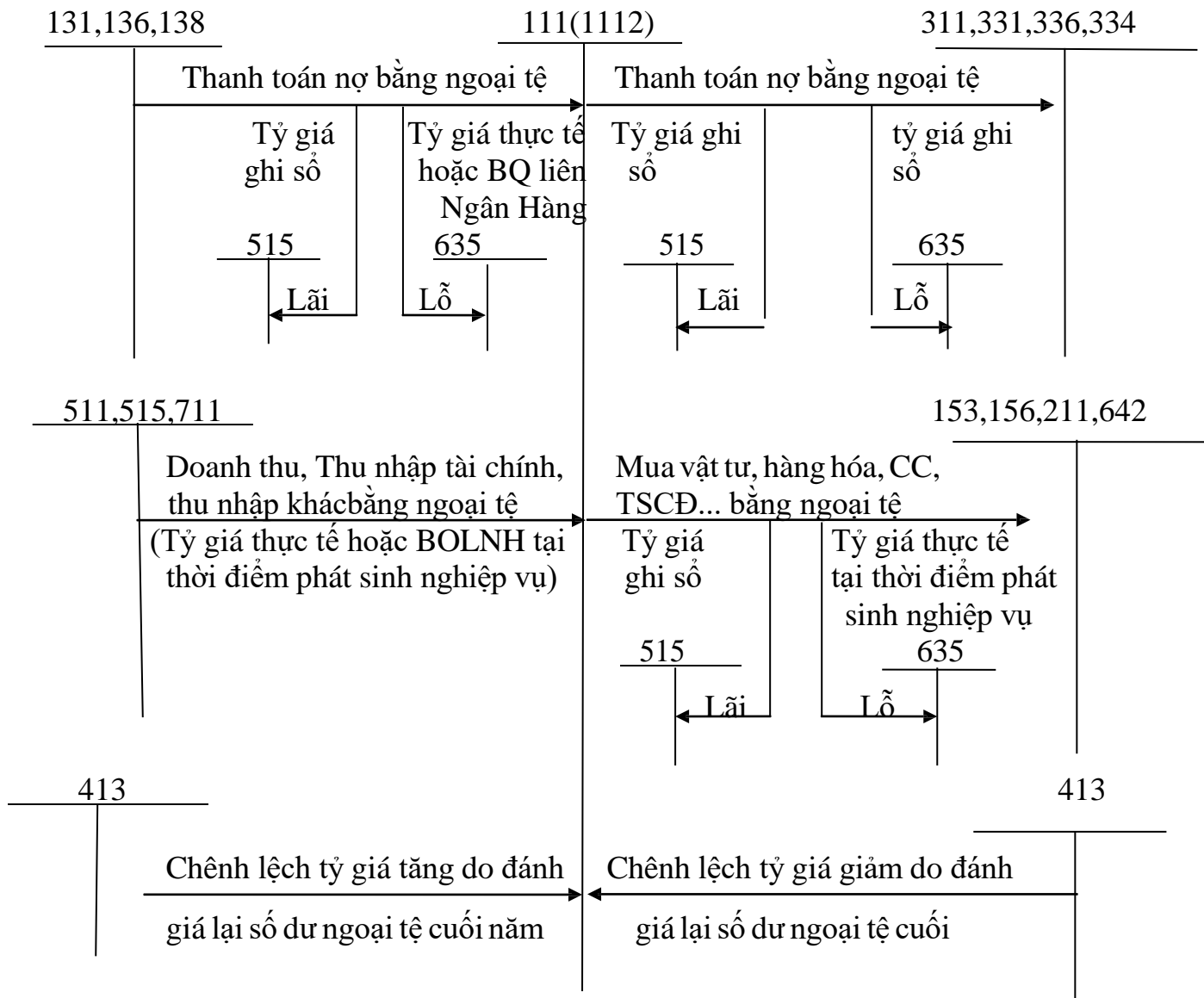
Nợ TK 331 – Phải trả người bán (theo giá thực tế)

Có TK 111 (1112) – Ngoại tệ nhập quỹ (theo giá thực tế)

Hoặc Có TK 112 (1122) – Ngoại tệ gửi ngân hàng (theo giá thực tế)

Hạch toán kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.2)

Sơ đồ 1.2: Hạch toán kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi giảm TK 007-Ngoại tệ các loại

|  |  |
|--|--|
| TK 007   |  |
| Thu nợ bằng ngoại tệ, Doanh thu, Thu nhập tài chính, Thu nhập khác bằng ngoại tệ | Thanh toán nợ bằng ngoại tệ mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ, ..bằng ngoại tệ |

### **1.2.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng.**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các khoản thanh toán giữa doanh nghiệp với các cơ quan tổ chức kinh tế khác được thực hiện chủ yếu qua ngân hàng, đảm bảo cho việc thanh toán vừa an toàn, vừa thuận tiện, vừa chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật thanh toán.

Theo chế độ quản lý tiền mặt, toàn bộ số tiền của doanh nghiệp trừ số được giữ tại quỹ tiền mặt (theo thỏa thuận của doanh nghiệp với ngân hàng) đều phải gửi vào tài khoản tại ngân hàng. Các khoản tiền của doanh nghiệp tại ngân hàng bao gồm: Tiền Việt Nam, Ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, trên các tài khoản tiền gửi chính, tiền gửi chuyên dùng cho các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như tiền lưu ký, séc bảo chi, séc định mức, séc chuyển tiền, thư tín dụng. Để chấp hành tốt kỷ luật thanh toán đòi hỏi doanh nghiệp phải theo dõi chặt chẽ tình hình biến động và số dư của từng loại tiền gửi.

#### **1.2.3.1 Kế toán chi tiết tiền gửi Ngân hàng.**

a, Đối với tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam.

*\*Chứng từ, sổ sách dùng để hạch toán chi tiết tiền gửi Ngân Hàng.*

- Các giấy báo Có, báo Nợ, Bản sao kê cầu Ngân Hàng.

- Các chứng từ khác: Séc chuyển khoản, séc định mức, séc bảo chi, Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu.

- Số tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng VNĐ(S31-DN), Sổ chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng.

*\*Nguyên tắc hạch toán trên tài khoản 112-Tiền gửi ngân hàng.*

Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “Tiền gửi ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (UNC, UN thu, Séc chuyển khoản, séc bảo chi,...)

Khi nhận được chứng từ cầu ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, Số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Cuối tháng chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi số theo số liệu của ngân hàng trên giấy báo nợ, báo có hoặc bản sao kê, số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên nợ TK 138 “Phải thu khác”(1388)(Nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của ngân hàng) hoặc ghi vào bên có TK 338 “ Phải trả, phải nộp khác” (3388)(Nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của ngân hàng).

Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ:

Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (Đông Việt Nam, ngoại tệ các loại)

Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

b, Đối với tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ.

\*Sổ sách sử dụng.

Số tiền gửi Ngân Hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán bằng ngoại tệ(S32-DN), Sổ chi tiết theo dõi thanh toán bằng ngoại tệ(S33-DN)

\*Nguyên tắc hạch toán.

Trường hợp gửi tiền vào Ngân hàng bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân Hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh(Sau đây gọi tắt là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng). Trường hợp mua ngoại tệ gửi vào ngân hàng được phản ánh theo tỷ giá mua thực tế phải trả.

Trường hợp rút tiền gửi Ngân Hàng bằng ngoại tệ thì được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đang phản ánh trên sổ kế toán TK 1122 theo một trong các phương pháp:BQGQ, NT-XT, NS-XT, thực tế đích danh.

Trong giai đoạn sản xuất kinh doanh( kể cả hoạt động đầu tư XD CB của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư XD CB) các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh liên quan đến tiền gửi ngoại tệ nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch này được hạch toán vào bên Có TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”(Lãi tỷ giá) hoặc vào bên Nợ Tk 635 “ Chi phí tài chính” (Lỗ tỷ giá)

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư XD CB(giai đoạn trước hoạt động) nếu có phát sinh chênh lệch tỷ giá hối đoái thì các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến tiền gửi ngoại tệ này được hạch toán vào TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” (4132). Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ.

Ngoài ra, để theo dõi chi tiết các loại nguyên tệ kế toán mở sổ chi tiết Tk 007.

Ở thời điểm cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản tiền gửi ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính là tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân Hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Doanh nghiệp phải hạch toán chi tiết tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ này của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động)vào TK 4132 và của hoạt động sản xuất kinh doanh vào Tk 4131.

#### 1.2.3.2 Kế toán tổng hợp tiền gửi Ngân Hàng.

\*Chứng từ, sổ sách sử dụng.

Giấy báo Nợ, giấy báo Có, bản sao kê, lệnh chuyển có, Ủy nhiệm thu, Ủy nhiệm chi...

Ngoài ra còn sử dụng các sổ sách tổng hợp liên quan.

\*Tài khoản sử dụng.

Hạch toán tiền gửi ngân hàng(Tiền gửi ngân hàng) được thực hiện trên tài khoản 112-Tiền gửi ngân hàng: Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản này như sau:

#### **Bên Nợ:**

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào ngân hàng.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

**Bên Có:**

-Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra tiền gửi ngân hàng.

-Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

**Số dư bên Nợ:**

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

**TK 112-Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:**

-TK 1121-Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền gửi vào , rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

-TK1122-Ngoại tệ: Phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

-TK1123-Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân Hàng

**❖ Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.**

*a, Kế toán tiền gửi Ngân hàng là tiền Việt Nam.*

*Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu*

+ Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng, căn cứ giấy báo có của ngân hàng ghi:

Nợ TK 112 (1121,1122) – Tiền gửi ngân hàng (Việt Nam đồng, ngoại tệ)

Có TK 111 (1111,1112) – Tiền mặt (VND, Ngoại tệ)

+ Nhận giấy báo có của ngân hàng về số tiền đang chuyển đã vào tài khoản của đơn vị, ghi: Nợ TK 112 (1121,1122) – Tiền gửi ngân hàng (Việt Nam đồng, ngoại tệ)

Có TK 113 (1131,1132) – Tiền đang chuyển (VND, Ngoại tệ)

+ Nhận được giấy bao của ngân hàng về khoản tiền do khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 (1121,1122) – Tiền gửi ngân hàng (Việt Nam đồng, ngoại tệ)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

+ Nhận lại tiền đã ký cược, ký quỹ ngắn hạn hoặc dài hạn bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 (1121,1122) – Tiền gửi ngân hàng (Việt Nam đồng, ngoại tệ)

Có TK 144 – Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn



Có TK 244 – Ký cược, ký quỹ dài hạn

+ Nhận vốn góp liên doanh các đơn vị thành viên chuyển đến bằng tiền gửi ngân hàng

Nợ TK 112 (1121,1122) – Tiền gửi ngân hàng (Việt Nam đồng, ngoại tệ)

Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

+ Doanh thu bán hàng, cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng hoặc thu nhập từ các hoạt động khác của doanh nghiệp thu bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 112 (1121,1122) – Tiền gửi ngân hàng (Việt Nam đồng, ngoại tệ)

Có TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 711 – Thu nhập khác

+ Căn cứ phiếu tính lãi của ngân hàng và giấy báo ngân hàng phản ánh lãi tiền gửi định kỳ, ghi:

Nợ TK 112 (1121,1122) – Tiền gửi ngân hàng (Việt Nam đồng, ngoại tệ)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

+ Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ, ghi:

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Có TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

+ Trả tiền mua vật tư, hàng hoá, tài sản cố định hoặc chi phí phát sinh đã được chi bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 151 – Hàng mua đang đi trên đường

Nợ TK 152 – Nguyên vật liệu

Nợ TK 153 – Công cụ dụng cụ

Nợ TK 156 – Hàng hoá

Nợ TK 157 – Hàng gửi bán

Nợ TK 211 – tài sản cố định hữu hình

Nợ TK 213 – tài sản cố định vô hình

Nợ TK 217 – Bất động sản đầu tư

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Nợ TK 621 – Nguyên vật liệu trực tiếp

Nợ TK 627 – Chi phí sản xuất chung

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 811 – Chi phí khác

Nợ TK 133 – Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Có TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

+ Chuyển tiền gửi ngân hàng để thanh toán các khoản phải trả, phải nộp, ghi:

Nợ TK 311 – Vay ngắn hạn

Nợ TK 315 – Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp khác

Nợ TK 336 – Phải trả nội bộ

Nợ TK 338 – Phải trả, phải nộp khác

Nợ TK 341 – Vay dài hạn

Nợ TK 342 – Nợ dài hạn

Có TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

+ Chuyển tiền gửi ngân hàng để ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn, ghi:

Nợ TK 144 – Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Nợ TK 244 – Ký quỹ, ký cược dài hạn

Có TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

+ Trả vốn góp hoặc trả cổ tức, lợi nhuận cho các bên góp vốn, chi các quỹ doanh nghiệp,... bằng tiền gửi ngân hàng, ghi :

Nợ TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh

Nợ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Có 112 – Tiền gửi ngân hàng

+ Thanh toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ cho người mua bằng chuyển khoản, ghi:

Nợ TK 521 – Chiết khấu thương mại

Nợ TK 531 – Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 532 – Giảm giá hàng bán

*Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Chi nhánh công ty TNHH  
một thành viên Green Logistic Centre*

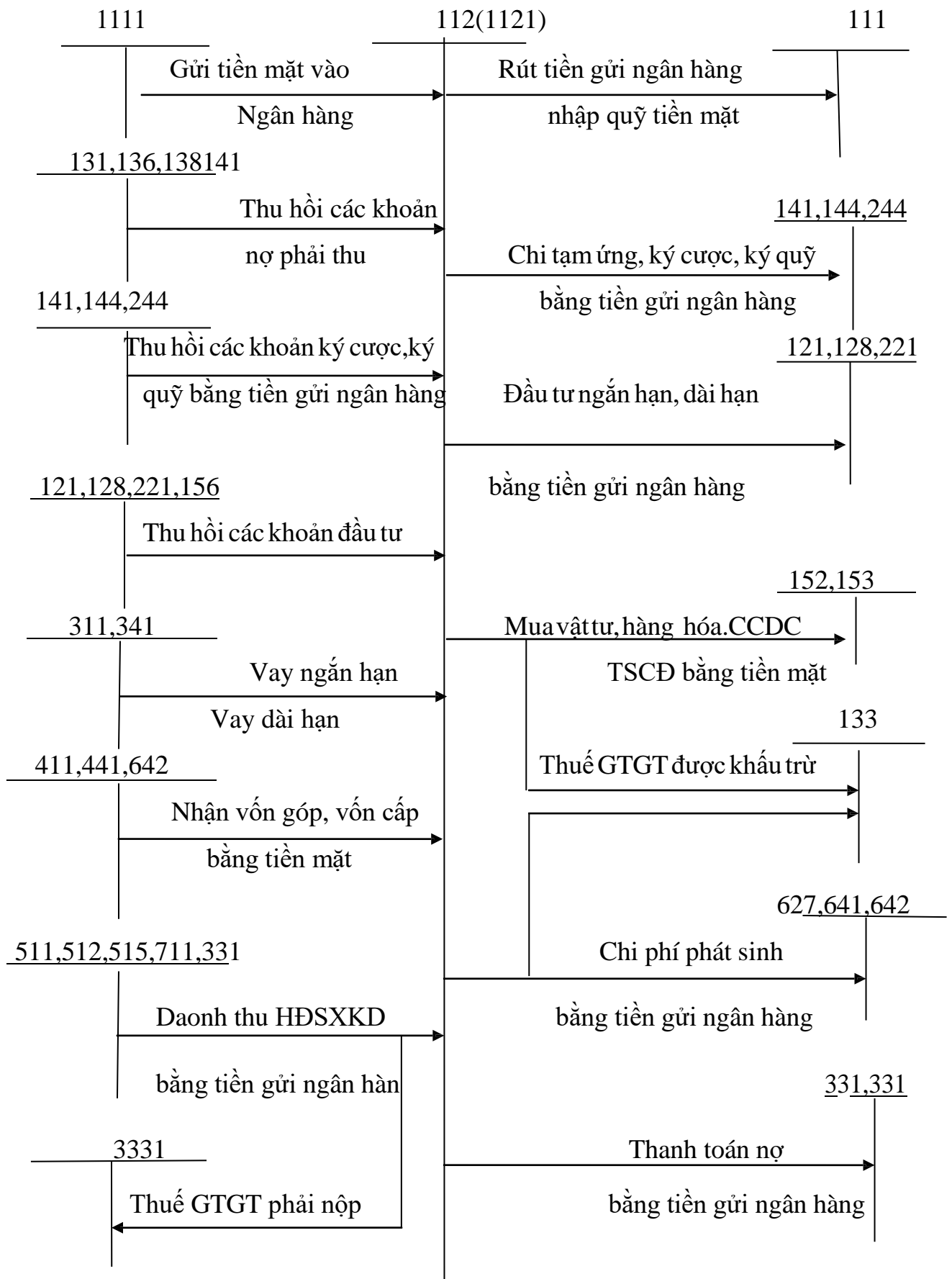
---

Nợ TK 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp (33311)

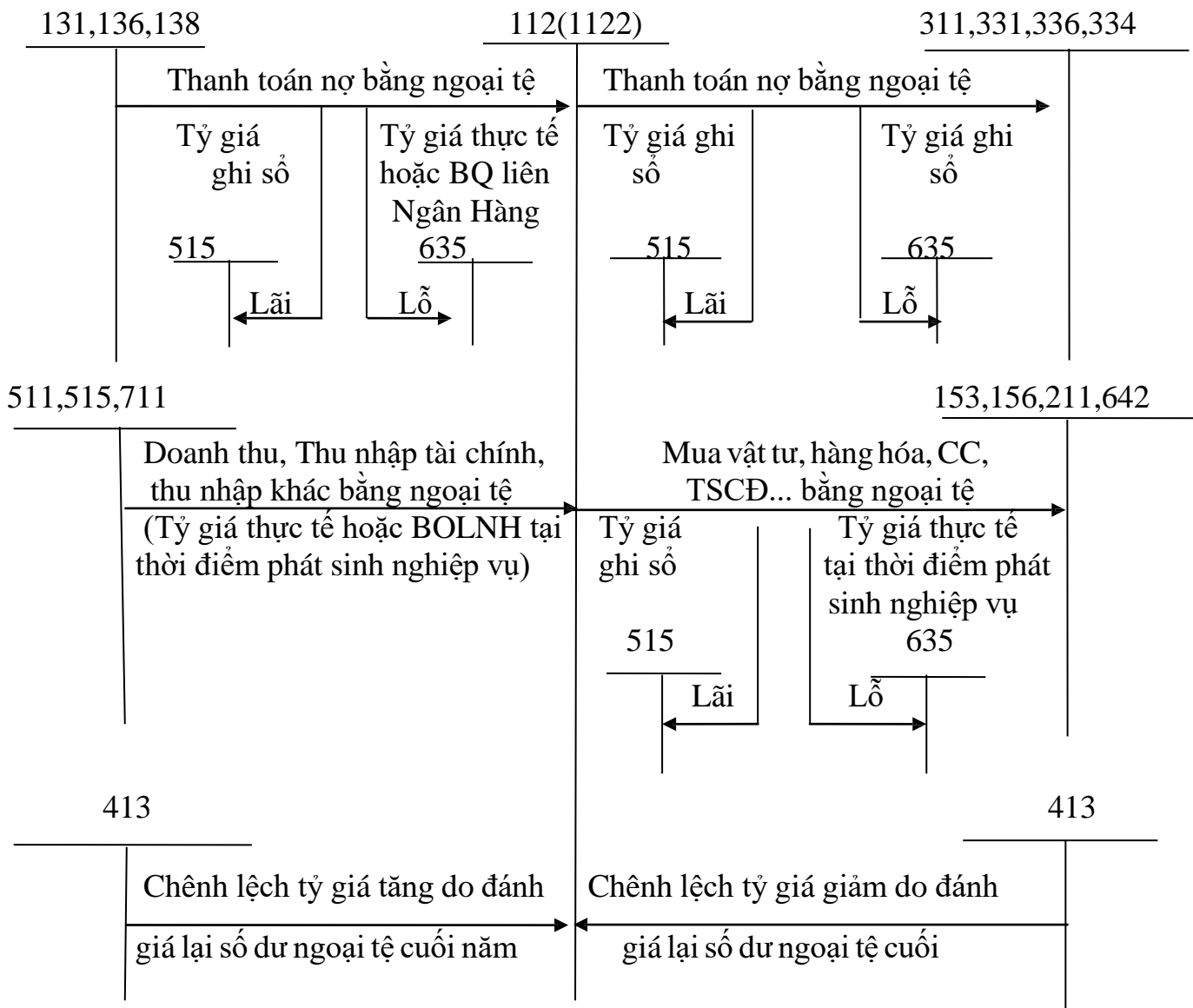
Có 112 – Tiền gửi ngân hàng

Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.3: Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam



Sơ đồ 1.4: Hạch toán kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi gián TK 007-Ngoại tệ các loại

| TK 007   |  |
|--|--|
| Thu nợ bằng ngoại tệ, Doanh thu, Thu nhập tài chính, Thu nhập khác bằng ngoại tệ | Thanh toán nợ bằng ngoại tệ mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ, ..bằng ngoại tệ |

#### **1.2.4 Kế toán tiền đang chuyển .**

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản kê sao của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Thu tiền bán hàng nộp thuế vào kho bạc(Giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và kho bạc nhà nước)

##### **1.2.4.1 4.1 Chứng từ sử dụng**

Chứng từ sử dụng làm căn cứ hạch toán tiền đang chuyển gồm:

- Phiếu chi, giấy nộp tiền, biên lai thu tiền, phiếu chuyển tiền, bảng kê nộp séc....
- Các chứng từ gốc kèm theo khác như:séc các loại , UNC, UN thu.

##### **1.2.4.2 Tài khoản sử dụng**

Việc hạch toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK113 “Tiền đang chuyển”. Nội dung và kết cấu của tài khoản này như sau:

##### **Bên Nợ:**

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền việt nam, ngoại tệ đã nộp vào ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo có.
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

##### **Bên Có:**

- Số kết chuyển vào tài khoản 112-Tiền gửi ngân hàng , hoặc tài khoản có liên quan.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

**Số dư bên nợ:**

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

**TK 113-Tiền đang chuyển , có 2 tài khoản cấp 2**

-TK1131-Tiền Việt Nam: Phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.

-TK1132-Ngoại tệ : Phản ánh số tiền ngoại tệ đang chuyển.

**1.2.4.3 Nguyên tắc kế toán đang chuyển.**

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ lệ trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bảng sao kê chi tiết của ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng hco ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác .
- Các khoản tiền cấp phát , trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hoặc báo có. Kết toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:
- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời gian giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời .
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

❖ Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu.

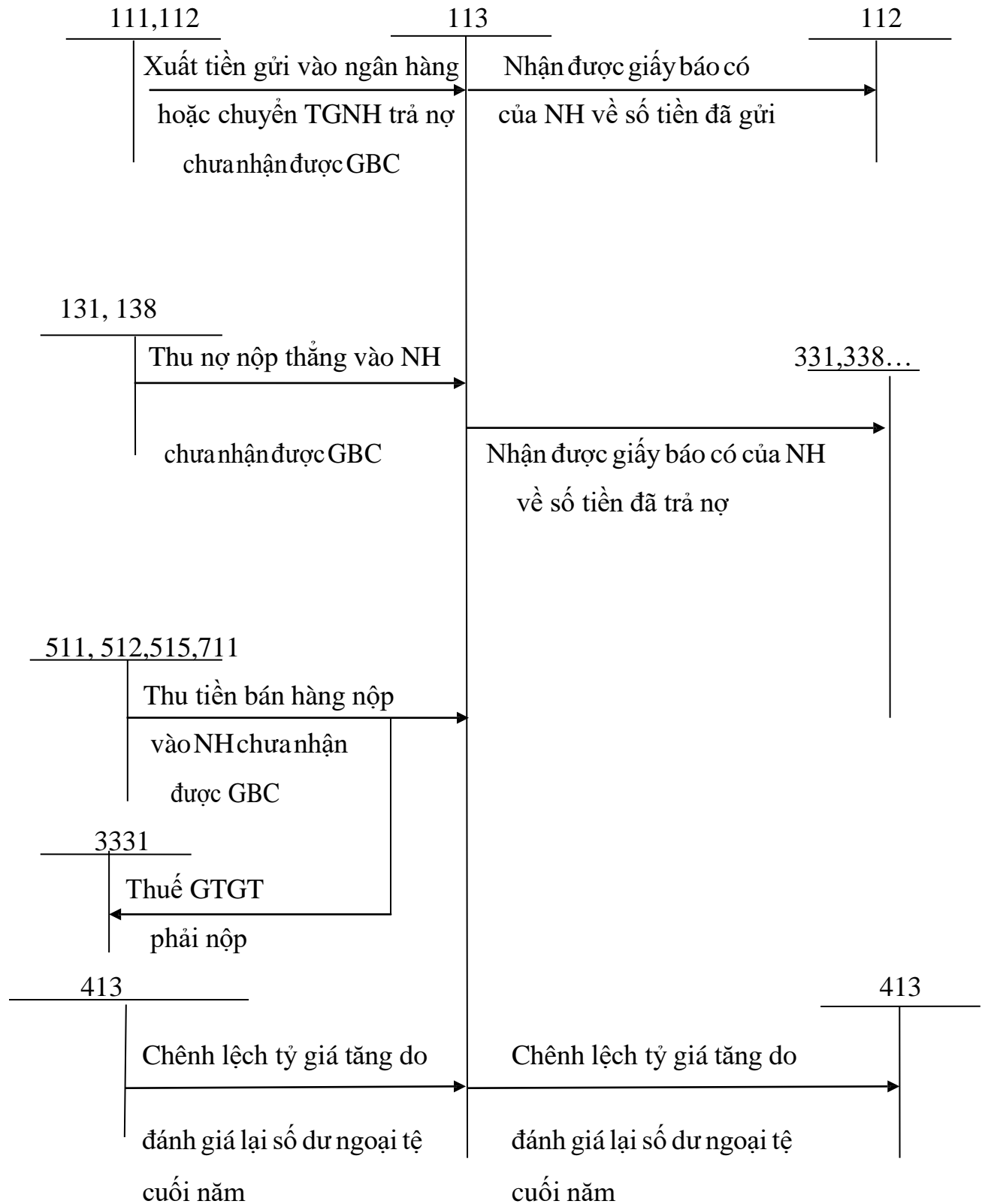
- - Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu
- + Thu tiền bán hàng bằng tiền mặt, bằng séc không nhập quỹ mà nộp thẳng vào ngân hàng, chưa nhận được báo có đến cuối kỳ, ghi:
  - Nợ TK 113 – Số thanh toán
  - Có TK 511 – Số chưa thuế

- Có TK 33311 - Thuế giá trị gia tăng
- + Thu nợ, nhận ứng trước của khách hàng bằng tiền mặt không nhập quỹ mà nộp thẳng vào ngân hàng, chưa nhận được giấy báo vào cuối kỳ, ghi:
  - Nợ TK 113 - Tiền đang chuyển
- Có TK 131 – Phải thu khách hàng
- + Xuất tiền mặt gửi vào ngân hàng hay chuyển qua bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo của ngân hàng hay người được hưởng đến cuối kỳ, ghi:
  - Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển
- Có TK 111 – Tiền mặt
- + Chuyển từ tiền gửi ngân hàng cho đối tượng khác nhưng chưa nhận được giấy báo hay bảng sao kê của ngân hàng đến cuối kỳ, ghi:
  - Nợ TK 113 – Tiền đang chuyển
- Có TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- + Nhận được giấy báo của ngân hàng, của bưu điện số tiền đang chuyển kỳ trước, ghi:
  - Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
  - Nợ TK 331 – Phải trả người bán
  - Nợ TK 311 – Vay ngắn hạn
- Có TK – Tiền đang chuyển

❖ Hạch toán kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ sau(1.5)



Sơ đồ 1.5: Hạch toán kế toán tiền đang chuyển.



### **1.2.5 Các hình thức ghi sổ kế toán vốn bằng tiền.**

Thực hiện ghi chép vào sổ kế toán là công việc có khối lượng rất lớn và phải thực hiện thường xuyên, hàng ngày. Do đó, cần phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý hệ thống kế toán mới có thể tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động của nhân viên kế toán, đảm bảo cung cấp đầy đủ các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu của công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc các báo cáo kế toán gửi cho cấp trên hay tại cơ quan Nhà nước.

Hình thức tổ chức sổ kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Số lượng các mẫu sổ, kết cấu từng loại sổ, trình tự và phương pháp ghi chép từng loại sổ, mối quan hệ giữa các loại sổ kế toán với nhau và giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán.

Việc lựa chọn nội dung và hình thức tổ chức sổ kế toán cho phù hợp với doanh nghiệp phụ thuộc vào một số điều kiện sau:

- + Đặc điểm của từng loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức phức tạp của hoạt động tài chính, quy mô doanh nghiệp lớn hay nhỏ, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều hay ít.
- + Yêu cầu của công tác quản lý, trình độ của cán bộ quản lý.
- + Trình độ nghiệp vụ và năng lực công tác của nhân viên kế toán
- + Điều kiện và phương tiện vật chất phục vụ cho công tác kế toán.

Hiện nay, theo quy định có 5 hình thức tổ chức sổ kế toán: Hình thức Nhật ký chung; Hình thức Nhật ký – Sổ cái; Hình thức Nhật ký- Chứng từ; Hình thức Chứng từ ghi sổ; Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hệ thống sổ sách kế toán phù hợp với các hình thức kế toán tùy thuộc vào đặc điểm, quy mô, trình độ nghiệp vụ mà kế toán lựa chọn hình thức kế toán phù hợp. Theo hướng dẫn của Bộ tài chính tại quyết định 15/2006 ngày 20/03/2006 thì doanh nghiệp có thể tổ chức hệ thống sổ kế toán theo một trong năm hình thức sổ kế toán trên.

#### **1.2.5.1 Hình thức Nhật ký chung**

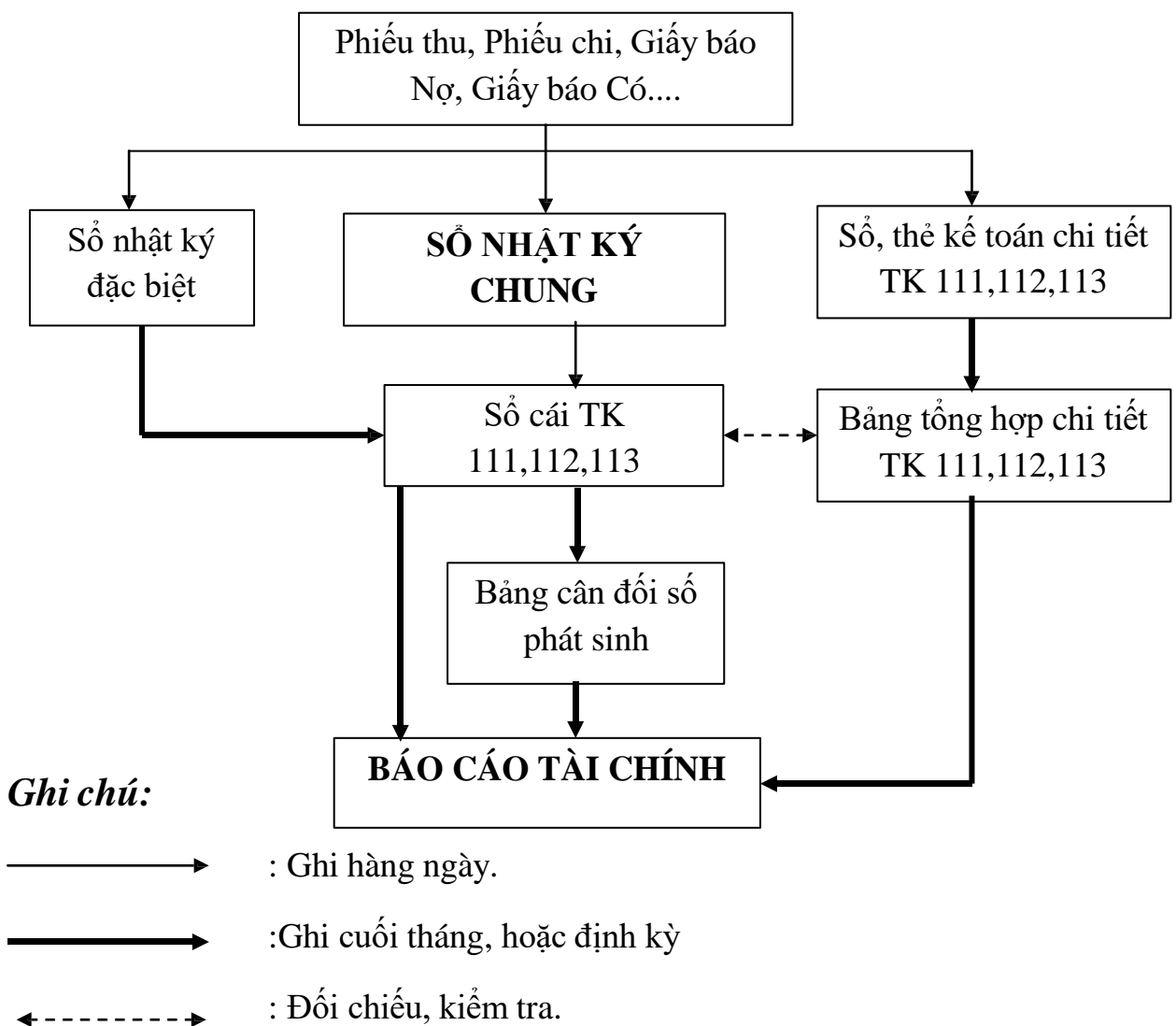
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kế toán tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ

Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế( định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế nào đã ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt thì k ghi vào sổ Nhật ký chung nữa. Trường hợp được vị có mở sổ chi tiết, kế toán căn cứ chứng từ gốc để ghi sổ chi tiết, định kỳ căn cứ vào sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ kế toán chủ yếu sau: Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ Cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký Chung**



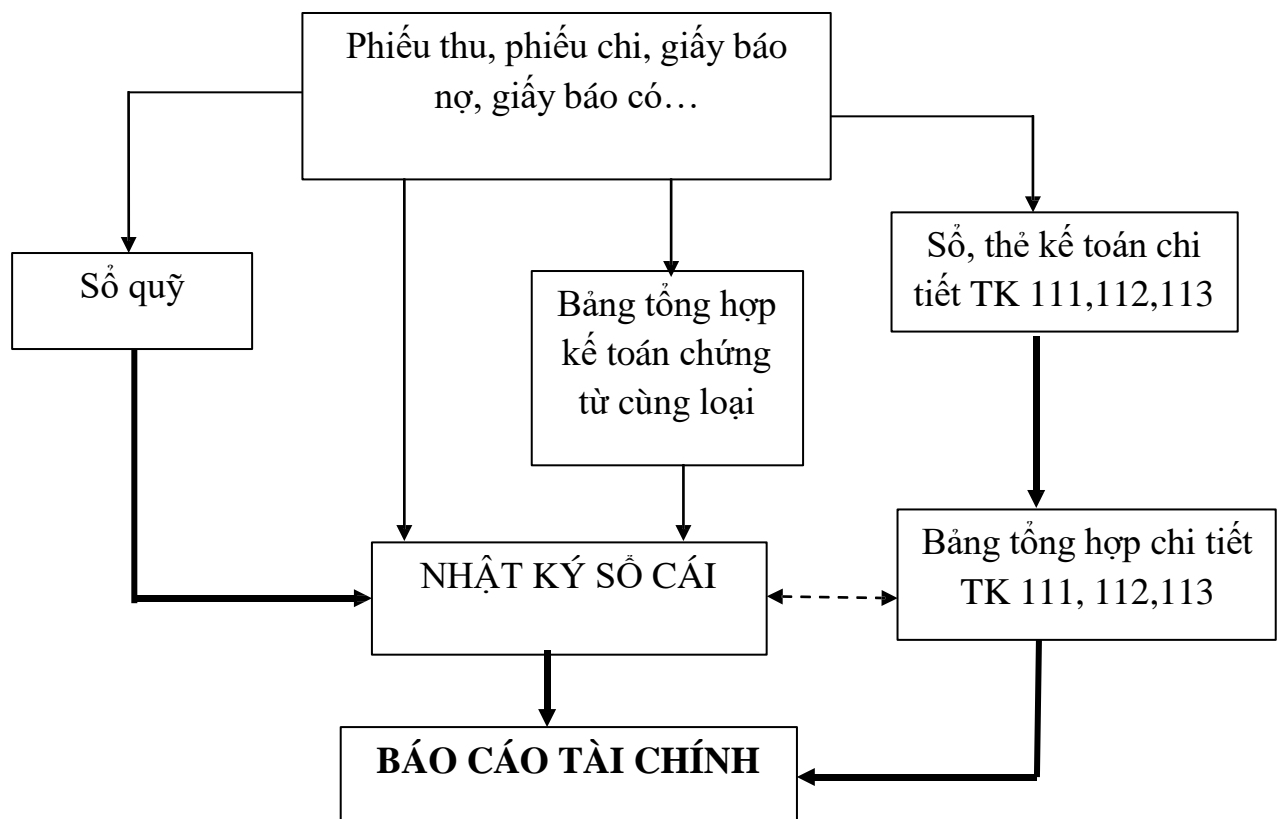
### 1.2.5.2 Hình thức Nhật ký- Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

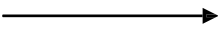

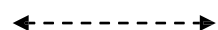
Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái bao gồm các loại sổ kế toán chủ yếu sau: Nhật ký- Sổ cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký –Sổ cái được thể hiện qua sơ đồ sau:

*. Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký –Sổ cái*



#### **Ghi chú:**

-  : Nhập số liệu hàng ngày.
-  : Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
-  : Đối chiếu, kiểm tra.

## **CHƯƠNG II**

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ VỐN BẰNG TIỀN VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP**

### **2.1. Tổng quan về Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

#### ***2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE***

##### ***2.1.1.1. Thông tin chung về công ty***

Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE được thành lập ngày 12 tháng 10 năm 2002 theo giấy phép kinh doanh số 0203000293 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

- Tên tiếng việt : **CÔNG TY TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**
- Giám đốc : **Ngô Tuấn Vũ**
- Địa chỉ trụ sở chính: **Lô 3.2G KCN Đình Vũ-Phường Đông Hải 2-Quận Hải An-Tp Hải Phòng**
- Điện thoại : **( 031) 621121**
- Fax : **(031) 840426**
- Mã số thuế : **0200489620**
- Tài khoản : **009704060004426**
- Tại ngân hàng: **VIB chi nhánh tại Hải Phòng**

##### ***2.1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty***

Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty. Trải qua hơn 8 năm thành lập và lớn mạnh, công ty đã và đang được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng có sẵn của mình.

Dưới đây là một số những kết quả đạt được của công ty trong những năm vừa qua:

| STT | Chỉ tiêu                  | Năm 2013      | Năm 2014      | Năm 2015      |
|-----|---------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 1   | Tổng tài sản              | 6.256.798.218 | 6.857.097.230 | 7.235.897.135 |
| 2   | Nguồn vốn CSH             | 875.678.975   | 912.345.567   | 1.085.456.237 |
| 3   | Nợ phải trả               | 1.421.567.670 | 1.190.653.320 | 1.598.536.098 |
| 4   | Tổng doanh thu            | 6.568.102.000 | 7.124.895.200 | 8.210.345.210 |
| 5   | Tổng lợi nhuận trước thuế | 637.204.730   | 845.230.000   | 970.850.640   |

Qua bảng tổng hợp các chỉ tiêu trong một vài năm gần đây của công ty ta có thể đưa ra một vài nhận xét sau:

Tổng doanh thu năm 2014 tăng 5.014.679.000 đồng ( tương đương 7,5%) so với năm 2013. Năm 2015 tăng 9.438.760.200 đồng (12,5%) so với năm 2014. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2014 tăng 426.765.567 đồng (16,35%) so với năm 2013. Năm 2015 tăng 309.247.040 đồng (10,3%) so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 306.829.150 đồng (28,35%) so với năm 2013. Năm 2015 tăng 150.565.900 đồng (11,2%) so với năm 2006.

Ta thấy tổng tài sản, tổng doanh thu, tổng lợi nhuận sau thuế đều tăng qua các năm 2014, 2015. Mặc dù tốc độ tăng tài sản, doanh thu năm 2014 đều lớn hơn tốc độ tăng của năm 2013 nhưng lợi nhuận lại không bằng tốc độ tăng của năm 2013, đó có thể là do chi phí nguyên vật liệu tăng nhưng điều đó không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua bảng số liệu trên đây ta có thể thấy được tình hình sản xuất kinh của doanh nghiệp tăng nhanh trong những năm gần đây điều đó chứng tỏ công ty hoạt động ngày càng hiệu quả và phát triển hơn.

### ***2.1.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty***

- Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH

- *Lĩnh vực kinh doanh* : Kinh doanh kho CFS

- *Ngành nghề kinh doanh* :

+ Khai thác kho CFS

+ Kinh doanh phân phối các mặt hàng lẻ

#### ***2.1.1.4. Mục tiêu của công ty***

- Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE được thành lập với mục tiêu sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, công ty hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, thống nhất nhằm mục đích tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông và không ngừng đóng góp cho ngân sách Nhà nước theo pháp luật quy định, phát triển công ty ngày một vững mạnh hơn trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

- Bên cạnh đó công ty cũng đang ngày một khẳng định mình trên thị trường, không ngừng đầu tư về chiều sâu, phát triển về chiều rộng các hệ thống đại lý bán buôn và bán lẻ mặt hàng của công ty, đa dạng mẫu mã các mặt hàng.

#### ***2.1.1.5. Những thuận lợi, khó khăn của công ty***

*\* Thuận lợi:*

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ tay nghề cao. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên

- Công ty không những duy trì tốt mối quan hệ với các bạn hàng cũ mà còn mở rộng hợp tác với bạn hàng mới với mục tiêu mở rộng địa bàn kinh doanh.

- Các sản phẩm của công ty ngày càng đa dạng đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, bên cạnh đó công ty có địa bàn nằm trên phố lớn, tạo thuận lợi cho việc kinh doanh.

*\* Khó khăn:*

- Công tác thanh toán quyết toán với khách hàng còn chậm, do đó ảnh hưởng đến thu hồi vốn, làm cho vòng quay vốn không đảm bảo, chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn vay ngân hàng.

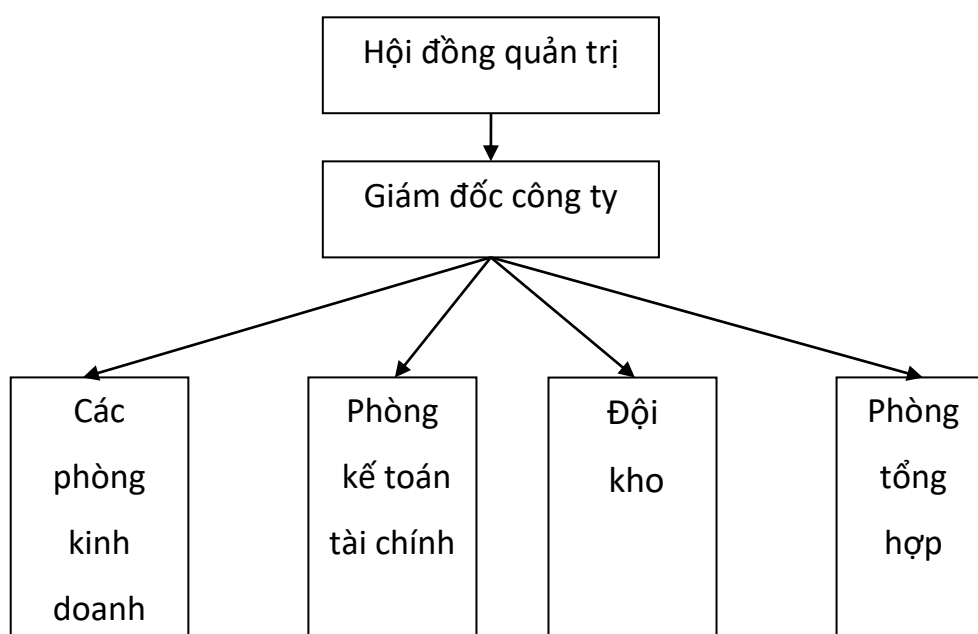
- Hiện nay có thị trường đang phát triển rất mạnh vì vậy công ty có rất

nhều các doanh nghiệp cạnh tranh vì vậy đòi hỏi công ty phải luôn cố gắng phát triển, khắc phục những khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **2.1.2 Cơ cấu tổ chức của công ty**

### **2.1.2.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

Công ty hoạt động dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Công ty xây dựng theo cơ cấu quản lý tổ chức điều hành theo hệ trực tuyến chức năng, cơ cấu tổ chức quản lý tương đối gọn nhẹ và hợp lý. Dưới đây là sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty:



### **Sơ đồ 2.1 : BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

#### **2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận**

##### **a. Hội đồng quản trị**

Là cơ quan cao quản lý cao nhất của công ty, số lượng thành viên của Hội đồng quản trị gồm 3 người. Nhiệm kỳ của hội đồng quản trị là 3 năm và có thể tái cử, trong nhiệm kỳ Đại hội cổ đông hàng năm có thể bãi miễn hoặc bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm công việc hết kỳ hạn.

##### **b. Giám đốc công ty**



Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Giám đốc có quyền ký kết các hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh, có quyền tổ chức bộ máy quản lý, đề bạt, bãi nhiệm cán bộ nhân viên dưới quyền theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của công ty. Chịu trách nhiệm về công ăn việc làm, về đời sống vật chất tinh thần và mọi quyền lợi hợp pháp khác cho cán bộ công nhân viên.

*c. Phòng kinh doanh*

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch, ký kết hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh

*d. Phòng kế toán hành chính*

Chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc, có chức năng khai thác và quản lý nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh của công ty. Thực hiện công tác hạch toán, thông kê theo quy định của Nhà nước, phân tích hoạt động kinh tế để cung cấp các thông tin về hiệu quả kinh doanh, về tài sản của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

*e. Phòng tổng hợp*

- Thực hiện các chức năng về quản lý lao động, tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và quy chế của công ty. Thực hiện chế độ về bảo hiểm xã hội, trợ cấp ốm đau và các vấn đề có liên quan đến quyền lợi của người lao động. Tham mưu với giám đốc trong công tác tổ chức cán bộ, đôn đốc nhân viên chấp hành kỷ luật lao động, nội quy, quy chế của công ty.

- Xây dựng và chỉ đạo kế hoạch kinh doanh tháng, quý, năm. Kế hoạch giá

thành sản phẩm, thống kê tổng hợp tiêu thụ sản phẩm, chi tiêu tài chính..

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời các vật tư, nguyên liệu và công tác quản lý.
- Chịu trách nhiệm về công tác phục vụ hành chính, phục vụ bữa ăn giữa ca cho công nhân viên chức.

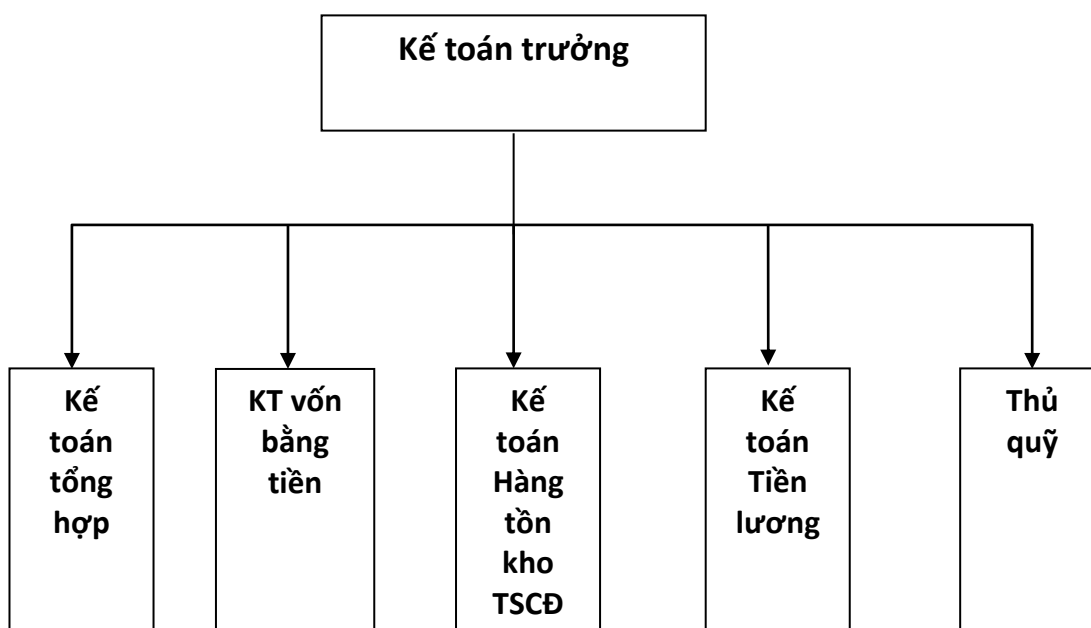
*f. Đội kho*

- Quản lý toàn bộ hệ thống kho hàng của công ty. Nhập xuất vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và chịu trách nhiệm về tỷ lệ hao hụt vật tư, nguyên vật liệu, thành phẩm trong kho và khâu giao nhận.

- Chịu trách nhiệm vận chuyển trong quá trình mua hàng hóa. Đảm nhiệm việc kiểm tra vật tư trong quá trình xuất nhập vật tư

### **2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

#### **2.1.3.1 Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty**



**Sơ đồ 2.2 : MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY**

#### **2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận**

##### **a. Kế toán trưởng**

- Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức

thực hiện công tác kế toán trong công ty. Kế toán có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

***b. Kế toán tổng hợp***

- Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp, kiểm tra các định khoản các nghiệp vụ phát sinh. Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp, hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao TSCĐ, công nợ, lập quyết toán văn phòng công ty, lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết.

***c. Kế toán vốn bằng tiền***

- Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kiểm toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

***d. Kế toán tài sản cố định***

- Kế toán viên có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ và sự biến động của các khoản đầu tư dài hạn.

***e. Kế toán tiền lương***

- Nhiệm vụ tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung (đối với khối lao động gián tiếp lương tính trên phần trăm doanh thu thu được, đối với khối lao động trực tiếp lương tính theo sản phẩm). Hàng tháng tính đến các khoản trích theo lương ( BHXH, BHYT, KPCĐ).

***f. Thủ quỹ***

- Có nhiệm vụ cất giữ tiền mặt tại công ty, thu chi tiền khi có chứng từ của

kế toán đưa sang. Cuối ngày báo cáo tồn quỹ với kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với kế toán trưởng.

## ***2.1.4. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán***

### ***2.1.4.1. Chế độ kế toán áp dụng***

- Công ty TNHH 1 TV Green Logistic Centre đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006 ngày 20/3/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính, niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Phương pháp nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp kiểm kê hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng

➤ *Hệ thống kế toán bao gồm:*

+ Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)

+ Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN)

+ Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

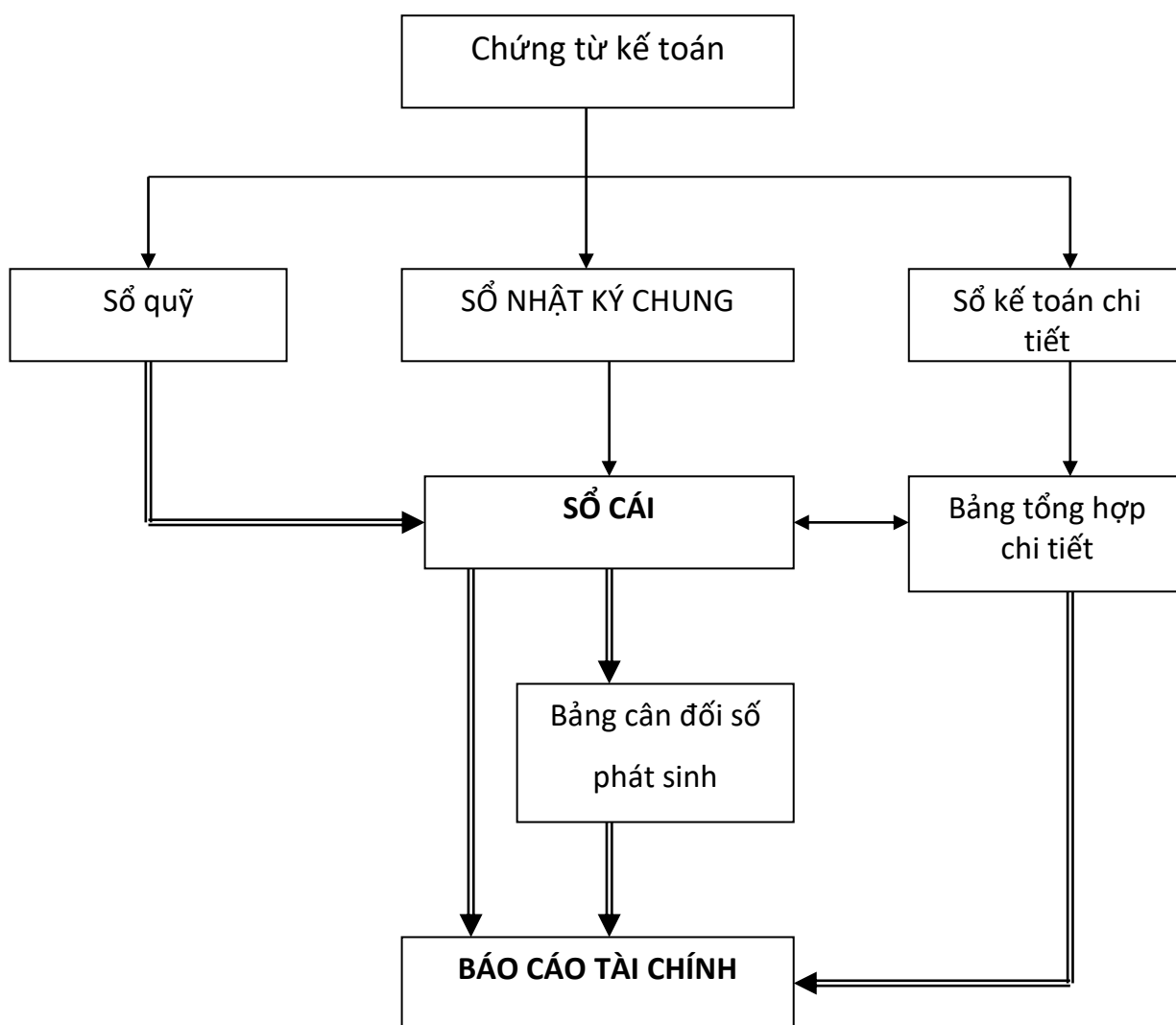
### ***2.1.4.2. Hình thức kế toán***

- *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán: “Nhật ký chung”*

- *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán nghiệp vụ đó. Sau đó kế toán lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

TRÌNH TỰ KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3 : TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

- Các loại sổ kế toán chủ yếu:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái

+ Sổ kế toán chi tiết

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung.

### ***2.1.5. Đánh giá chung tình hình của công ty***

Đứng trước nhiều khó khăn, công ty đã chủ động trong quản lý kinh doanh, tìm ra những bước đi đúng, tích cực năng động trong mở rộng thị trường, phát huy được những thế mạnh và khắc phục được những hạn chế. Đồng thời cũng đóng góp cho Nhà nước và toàn xã hội những lợi ích to lớn trong giai đoạn mở rộng hội nhập kinh tế.

### **2.2. Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, công ty luôn phải có vốn nhất định. Ngoài vốn cố định công ty còn phải có một số vốn lưu động đủ để tiến hành sản xuất kinh doanh. Trong vốn lưu động thì vốn bằng tiền là rất quan trọng bởi vốn bằng tiền có thể sử dụng trực tiếp để chi trả những khoản mua sắm, hay để trả lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản chi phí khác bằng tiền.

Vốn bằng tiền hiện có của công ty bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân

hàng. Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi các khoản tiền này.

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 111: Tiền mặt

+ TK 112: Tiền gửi ngân hàng

- Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng:

+ Phiếu thu

+ Phiếu chi

+ Hóa đơn GTGT

+ Biên lai thu tiền...

+ Sổ quỹ tiền mặt

+ Sổ chi tiết tiền mặt

+ Sổ cái tiền mặt...

### ***2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại công ty***

Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại công ty chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

Thủ quỹ đảm nhận việc thu, chi tiền mặt tại quỹ của công ty. Khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt, kế toán tiến hành lập phiếu thu, phiếu chi. Phiếu thu, phiếu chi được lập thành 3 liên đầy đủ nội dung, có đủ chữ ký của người thu, người nhận, người cho phép xuất nhập quỹ sau đó chuyển cho kế toán trưởng duyệt. Một liên lưu tại nơi lập phiếu, các liên còn lại chuyển cho thủ quỹ để thu hoặc chi tiền. Sau khi nhập hoặc xuất tiền, thủ quỹ phải đóng dấu đã thu hoặc đã chi và ký tên, giữ một liên để lưu sổ quỹ, một liên giao cho người nộp hoặc nhận tiền. Cuối ngày chuyển cho kế toán ghi sổ.

❖ Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng

❖ Tài khoản sử dụng: TK 111 - Tiền mặt. Tài khoản tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2 nhưng công ty chỉ sử dụng một tài khoản cấp 2 là TK 1111: Tiền Việt Nam tại quỹ.

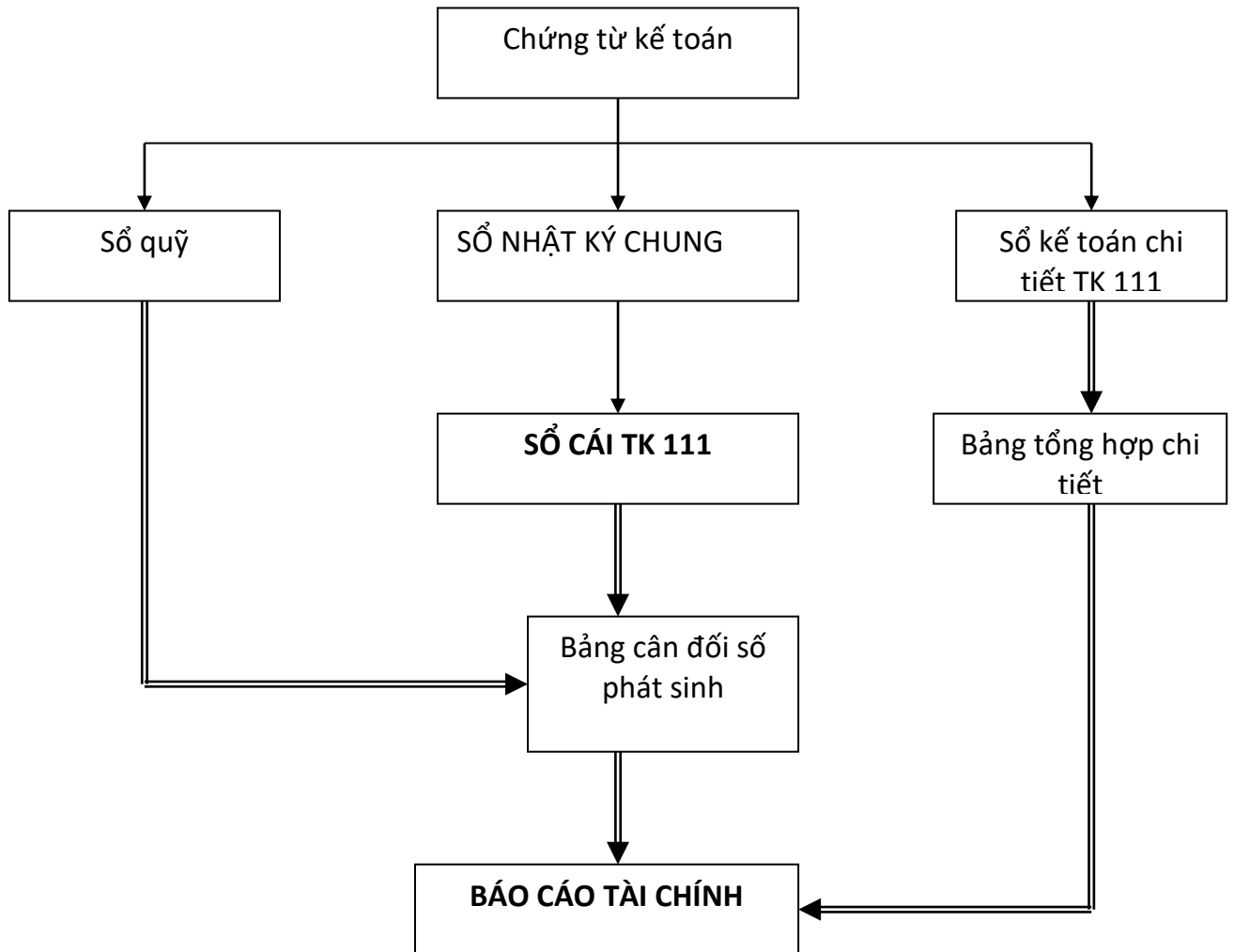
❖ Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu thu
- + Phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT của hàng hóa mua vào, bán ra...

❖ Sổ sách sử dụng:

- + Nhật ký chung
- + Sổ cái TK 111
- + Sổ quỹ tiền mặt

❖ Quy trình hạch toán:



*Ghi chú:*

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- ⇔ Đối chiếu, kiểm tra



## **Sơ đồ 2.4: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TIỀN MẶT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH**

- Căn cứ vào chứng từ thu chi hàng ngày thủ quỹ vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt và sổ chi tiết tài khoản tiền mặt. Đến cuối tháng thủ quỹ và kế toán cộng phát sinh và đối chiếu số dư. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ Cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung.

### **2.2.1.1. Kế toán chi tiết tiền mặt**

#### **a/ Kế toán các nghiệp vụ giảm tiền mặt tại quỹ**

Các nguồn chi chủ yếu của công ty bao gồm:

- + Chi tạm ứng
- + Chi mua vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ
- + Chi thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên
- + Chi nộp ngân sách Nhà nước
- + Các khoản chi khác...

#### **Ví dụ 1:**

Ngày 5/12/2015 mua cao bản xếp của công ty TNHH TM Chí Chung theo hóa đơn GTGT số 0005883, số tiền 18.000.000 chưa thuế GTGT 10%

→ - Căn cứ hóa đơn GTGT ( Biểu 01), phiếu chi ( Biểu 02) kế toán phản ánh nghiệp vụ bằng bút toán sau:

Nợ TK 156 : 18.000.000

Nợ TK 133 : 1.800.000

Có TK 111 : 19.800.000

- Từ hóa đơn GTGT và phiếu chi kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ

Nhật ký chung ( Biểu 11) và Sổ quỹ tiền mặt ( Biểu 12)

- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 111 ( Biểu 13)
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ sổ cái vào báo cáo tài chính.

**Biểu 01:**

| <b>HÓA ĐƠN</b><br><b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b><br>Liên 2: Giao khách hàng<br>Ngày 5 tháng 12 năm 2015  |                             |  | Mẫu số: 01GTKT-3LL<br>Ký hiệu: SP/2015B<br>0005883 |   |            |
|---|-----------------------------|--|--|---|------------|
| Đơn vị bán hàng: C.TY TNHH THƯƠNG MẠI CHÍ CHUNG<br>Mã số thuế: 0200681236<br>Địa chỉ: Số 1 Hồ Sen - Phường Trại Cau - Lê Chân – Hải Phòng<br>Số tài khoản:<br>Điện thoại:   |                             |  |  |   |            |
| Họ tên người mua hàng<br>Tên đơn vị: Công ty TNHH 1 TV Green Logistic Centre<br>Mã số thuế: 0200489620<br>Số tài khoản: 009704060004426                      Tại Ngân hàng: VIB Chi nhánh Hải Phòng<br>Địa chỉ: Lô 3.2G KCN Đình Vũ-Đông Hải 2-Hải An-Hải Phòng |                             |  |  |   |            |
| STT   | Tên hàng hóa, dịch vụ       | Đơn vị tính                            | Số lượng   | Đơn giá   | Thành tiền |
| A   | B                           | C                                      | 1  | 2   | 3=1x2      |
| 1   | Cao bản loại 100x100 loại A | Cái                                    | 100  | 100,000   | 10,000,000 |
| 2   | Cao bản loại 100x100 loại B | Cái                                    | 100  | 80,000  | 8,000,000  |
|   |                             |  |  |   |            |
|   |                             |  |  |   |            |
|   |                             |  |  |   |            |
| Cộng tiền hàng:   |                             |  |  |   | 18.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:  |                             |  |  |   | 1.800.000  |
| Tổng cộng tiền thanh toán   |                             |  |  |   | 19.800.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./.  |                             |  |  |   |            |
| Người mua hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên)  |                             | Người bán hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên) |  | Thủ trưởng đơn vị<br>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) |            |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)   |                             |  |  |   |            |

**Biểu 02:**

CTY TNHH GREEN LOGISTIC CENTRE

Mẫu số: 01 -VT

Số 3.2G Đình Vũ-Đông Hải-Hải An

Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số CT: 23

Nợ TK 156: 18.000.000

Có TK 111: 18.000.000

Họ tên người giao hàng: **Công ty TNHH Chí Chung**

Địa chỉ: *Số 1 Hồ Sen - Phường Trại Cau - Lê Chân - Hải Phòng*

| Số TT | Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng      |           | Đơn giá | Thành tiền |
|-------|---|-------|-------------|---------------|-----------|---------|------------|
|       |   |       |             | Theo chứng từ | Thực nhập |         |            |
| A     | B   | C     | D           | 1             | 2         | 3       | 4          |
| 1     | Cao bản 100x100-A                         |       | Cái         | 0005883       | 100       | 100.000 | 10.000.000 |
| 2     | Cao bản 100x100-B                         |       | Cái         | 0005883       | 100       | 80.000  | 8.000.000  |
|       |   |       |             |               |           |         |            |
|       | Cộng                                      |       |             |               |           |         | 18.000.000 |

Số tiền bằng chữ: *Mười tám triệu đồng chẵn.*

Ngày 5 tháng 12 năm 2015

Người lập  
phiếu  
(Ký, họ tên)

Người giao  
hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên,  
đóng dấu)

**Biểu 03:**

**Đơn vị:** TNHH 1 TV Green Logistic Centre

Mẫu 01-TT

**Địa chỉ:** Lô 3.2G Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Số:015

*Ngày 5 tháng 12 năm 2015*

Nợ TK 156 : 18.000.000

Nợ TK 133 : 1.800.000

Có TK 111 : 19.800.000

H Tên người nhận : CÔNG TY TNHH CHÍ CHUNG

Địa chỉ : Số 1 Hồ Sen-Phường Trại Cau-Lê Chân-Hải Phòng

Lý do chi : Trả tiền mua cao bản

Số tiền : 18.900.000

(Viết bằng chữ) : *Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn .*

Kèm theo: 01chứng từ gốc

*Ngày 05 tháng 12 năm 2015*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nộp tiền**

**Người lập biểu**

**Thủ quỹ**

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

**Ví dụ 2:**

Ngày 12 tháng 12 anh Nguyễn Thành Công đề nghị tạm ứng tiền sửa thiết bị văn phòng cho công ty với số tiền 5.500.000 đồng

➔ - Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng (Biểu 04) (đã được sự đồng ý của giám đốc và kế toán trưởng) kế toán lập phiếu chi (Biểu 05).

- Từ phiếu chi kế toán vào sổ nhật ký chung đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt.

- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 111 ( Biểu 13).

- Cuối quý tổng hợp số liệu từ sổ cái vào báo cáo tài chính.

**Biểu 04:**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Green Logistic Centre

Mẫu 03 - TT

**Địa chỉ:** Loo3.2G-ĐinhVũ-Hải An-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**

*Ngày 12 tháng 12 năm 2015*

Kính gửi: Giám đốc công ty TNHH Green Logistic Centre

Tên tôi là: Nguyễn Thành Công

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Đề nghị cho tôi tạm ứng số tiền: 5.500.000 đồng

(Viết bằng chữ: năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn)

Lý do tạm ứng: Sửa thiết bị văn phòng

Thời hạn thanh toán: 23/12/2015

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

*Ngày 12 tháng 12 năm 2015*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nộp tiền**

**Người lập biểu**

**Thủ quỹ**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Biểu 05**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Green Logistic Centre

Mẫu 01-TT

**Địa chỉ:** Lô 3.2G-Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Số: 020

*Ngày 12 tháng 12 năm 2015*

Nợ 642 : 5.500.000

Có 111 : 5.500.000

Họ Tên người nhận : Nguyễn Thành Công

Địa chỉ : Phòng kinh doanh

Lý do chi : Tạm ứng

Số tiền : 5.500.000

(Viết bằng chữ) : *Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*

Kèm theo: 01chứng từ gốc

*Ngày 12 tháng 12 năm 2015*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nộp tiền**

**Người lập biểu**

**Thủ quỹ**

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

(ký,họ tên)

*b/ Kế toán các nghiệp vụ tăng tiền mặt tại quỹ*

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm các khoản:

- + Thu từ việc giao hàng hóa, kinh doanh các dịch vụ
- + Thu tiền tạm ứng
- + Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng
- + Các khoản thu khác

**Ví dụ 3:**

Ngày 20/12/2015 bán móc khóa container cho công ty Thiết bị container số lượng là 1000 cái theo hóa đơn GTGT số 0005768 với số tiền là 17.000.000 chưa có thuế GTGT 10% đã thu bằng tiền mặt, giá thực tế xuất kho 15.000.000.

→ Căn cứ vào hoá đơn GTGT(biểu 03), phiếu xuất kho (biểu 04) kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán:

+Nợ 632 : 15.000.000

Có 156 : 15.000.000

+Nợ TK 111 : 18.700.000

Có TK 511 : 17.000.000

Có TK 3331 : 1.700.000

- Từ hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung ( Biểu 11) đồng thời vào Sổ quỹ tiền mặt ( Biểu 12) và sổ chi tiết tiền mặt

- Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 111 ( Biểu 13)

- Từ sổ cái kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối năm, tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.



**Biểu 06:**

**CTY TNHH GREEN LOGISTIC CENTRE**

**Mẫu số: 01 -VT**

**Lô 3.2G-Đình Vũ-Hải An-Hải Phòng**

( Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT**

Số: 129

Nợ TK 632: 15.000.000

Có TK 156: 15.000.000

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hùng

Diễn giải: Xuất hàng bán cho công ty Thiết bị container

Xuất tại kho: **Kho công ty**

| TT | Tên vật tư( hàng hoá) | Mã số | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------|-----|----------|---------|------------|---------|
| 1  | Móc khóa container    |       | cái | 1.000    | 15.000  | 15.000.000 |         |
|    |                       |       |     |          |         |            |         |
|    |                       |       |     |          |         |            |         |
|    | <b>Cộng</b>           |       |     |          |         | 15.000.000 |         |

**Số tiền bằng chữ:** Mười năm triệu đồng chẵn.

Ngày 20 tháng 12 năm 2015

**Phụ trách phòng**

(ký, họ tên)

**Phụ trách cung tiêu**

(ký, họ tên)

**Người giao hàng**

(ký, họ tên)

**Người lập**

(ký, họ tên)

**Thủ kho**

(ký, họ tên)

**Biểu 07:**

| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>   |                       |  | Ký hiệu: SP/2015B                      |   |            |
|---|-----------------------|--|--|---|------------|
| Liên 3: Nội bộ  |                       |  | 0005768                                |   |            |
| Ngày 20 tháng 12 năm 2015   |                       |  |  |   |            |
| Đơn vị bán hàng: C.TY TNHH GREEN LOGISTIC CENTRE                  |                       |  |  |   |            |
| Mã số thuế: 0200489620  |                       |  |  |   |            |
| Địa chỉ: Lô 3.2G Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng                |                       |  |  |   |            |
| Số tài khoản: 009704060004426                                     |                       |  | Tại Ngân hàng: VIB Chi nhánh Hải Phòng |   |            |
| Điện thoại:   |                       |  |  |   |            |
| Họ tên người mua hàng   |                       |  |  |   |            |
| Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Thiết bị container                    |                       |  |  |   |            |
| Mã số thuế: 02001467903   |                       |  |  |   |            |
| Số tài khoản:   |                       |  |  |   |            |
| Địa chỉ: Số 276 Đinh Tiên Hoàng - Ngô Quyền - Hải Phòng           |                       |  |  |   |            |
| STT   | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính                            | Số lượng                               | Đơn giá   | Thành tiền |
| A   | B                     | C                                      | 1                                      | 2   | 3=1x2      |
| 1   | Móc khóa container    | cái                                    | 1.000                                  | 17.000  | 17.000.000 |
|   |                       |  |  |   |            |
|   |                       |  |  |   |            |
|   |                       |  |  |   |            |
|   |                       |  |  |   |            |
|   |                       |  |  |   |            |
|   |                       |  |  |   |            |
| Cộng tiền hàng:   |                       |  |  |   | 17.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:                            |                       |  |  |   | 1.700.000  |
| Tổng cộng tiền thanh toán   |                       |  |  |   | 18.700.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./. |                       |  |  |   |            |
| Người mua hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên)                            |                       | Người bán hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên) |  | Thủ trưởng đơn vị<br>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) |            |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>      |                       |  |  |   |            |

**Biểu 08:**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Green Logistic Centre

Số: 058

**Mẫu 01-TT**

## **PHIẾU THU**

*Ngày 20 tháng 12 năm 2015*

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Nợ TK 111 : 18.700.000

Có TK 511 : 17.000.000

Có TK 3331 : 1.700.000

Họ tên người nộp : Công ty CP Thiết bị container

Địa chỉ : Số 276 Đinh Tiên Hoàng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Lý do nộp : Trả tiền mua móc container

Số tiền : 18.700.000

(Viết bằng chữ): *Mười tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

*Ngày 20 tháng 12 năm 2015*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nộp tiền**

**Người lập biểu**

**Thủ quỹ**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Ví dụ 4:**

Ngày 8/12/2015 công ty Hoa Sen thanh toán tiền cước nhận lô hàng quần áo ngày 2/12/2015 với số tiền 10.559.000

- ➔ - Căn cứ vào giấy nộp tiền kế toán lập phiếu thu (Biểu 10)
- Từ phiếu thu kế toán vào sổ Nhật ký chung đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt và sổ chi tiết tiền mặt.
- Từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 111
- Từ sổ cái kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối năm, tổng hợp số liệu từ sổ cái, sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh để lập báo cáo tài chính.

**Biểu 09:**

| <b>GIẤY NỘP TIỀN</b>            |   |
|---------------------------------|---|
| Họ và tên                       | : Công ty TNHH Hoa Sen                              |
| Địa chỉ                         | : 12/276 Lê Thánh Tông/Hà Nội                       |
| Lý do nộp tiền                  | : Thanh toán tiền cước nhận hàng                    |
| Số tiền                         | : 10.559.000  |
| Viết bằng chữ                   | : Mười triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn |
| <i>Ngày 8 tháng 12 năm 2015</i> |   |

**Giám đốc**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Người nộp tiền**

(ký, họ tên)

**Thủ quỹ**

(ký, họ tên)

**Biểu 10:**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Green Logistic Centre

Số: 035

**Mẫu 01-TT**

**PHIẾU THU**

*Ngày 8 tháng 12 năm 2015*

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 BTC)

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

H Tên người nộp : Công ty TNHH Hoa Sen

Địa chỉ : Số 12/276 Lê Thánh Tông/ Hà Nội

Lý do nộp : Trả tiền mua móc container

Số tiền : 10.559.000

(Viết bằng chữ) : *Mười triệu năm trăm lăm chín nghìn đồng.*

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

*Ngày 8 tháng 12 năm 2015*

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người nộp tiền**

**Người lập biểu**

**Thủ quỹ**

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Biểu 11:**

**CTY TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

**Lô 3.2G-Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ |             | Diễn giải   | TKĐƯ                            | Số phát sinh             |                                       |
|--------------------|----------|-------------|---|---------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|
|                    | Số hiệu  | Ngày, tháng |   |                                 | Nợ                       | Có                                    |
| A                  | B        | C           | D   | H                               | 1                        | 2                                     |
|                    |          |             | <b>Số trang trước chuyển sang</b>                           |                                 |                          |                                       |
| 1/12               | PC003    | 1/12        | Mua mũ bảo hộ của công ty Bạch Mã                           | 156<br>133<br>111               | 6.909.090<br>690.910     | 7.600.000                             |
| 5/12               | PC015    | 5/12        | Mua cao bản của công ty TNHH Chí Chung                      | 156<br>133<br>111               | 18.000.000<br>1.800.000  | 19.800.000                            |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |                                       |
| 6/12               | PT022    | 6/12        | Công ty TNHH VIPCO trả tiền cước nhận hàng bằng tiền gửi NH | 112<br>131                      | 101.134.000              | 101.134.000                           |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |                                       |
| 8/12               | PT035    | 8/12        | Công ty Hoa Sen thanh toán tiền cước nhận hàng              | 111<br>131                      | 10.559.000               | 10.559.000                            |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |                                       |
| 12/12              | PC020    | 12/12       | Nguyễn Thành Công đề nghị tạm ứng tiền sửa thiết bị         | 642<br>111                      | 5.500.000                | 5.500.000                             |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |                                       |
| 20/12              | PT58     | 20/12       | Bán móc container cho công ty Thiết bị container            | 632<br>156<br>111<br>511<br>333 | 15.000.000<br>18.700.000 | 15.000.000<br>17.000.000<br>1.700.000 |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |                                       |
|                    |          |             | <b>Cộng chuyển sang sau</b>                                 |                                 | 5.358.397.938            | 5.358.397.938                         |

Ngày...tháng...năm

**Kế toán ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Biểu 12:**

CTY TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE  
Lô 3.2G-Đình Vũ-Đông Hải-Hải An

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT THÁNG**  
Năm: 2015  
Loại quỹ: Tiền VN  
Từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày  | Chứng từ |        | Diễn giải  | TK          | Số tiền                 |                         |                      |
|-------|----------|--------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|
|       | Thu      | Chi    |  |             | Thu                     | Chi                     | Tồn                  |
|       |          |        | <b>Số dư đầu kỳ</b>                                |             |                         |                         | <b>665.8.500.000</b> |
| ....  | ...      | ...    | .....  | ...         | ...                     | ....                    | ...                  |
| 01/12 |          | PC 003 | Mua mũ bảo hộ của công ty Bạch Mã                  | 156<br>133  |                         | 6.909.090<br>690.910    |                      |
| 05/12 |          | PC 015 | Mua cao bản của công ty TNHH Chí Chung             | 156<br>133  |                         | 19.800.000<br>1.800.000 |                      |
| 06/12 |          | PC 019 | Thanh toán tiền điện tháng 11                      | 642         |                         | 10.500.000              |                      |
| ....  | ....     | ....   | .....  |             | .....                   |                         | ....                 |
| 08/12 | PT 035   |        | Công ty Hoa Sen thanh toán tiền nhận hàng          | 131         | 10.559.000              |                         |                      |
| 09/12 | GBC 23   |        | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt        | 112         | 10.000.000              |                         |                      |
| 12/12 |          | PC 020 | Nguyễn Thành Công đề nghị thanh toán tiền sửa t.bị | 642         |                         | 5.500.000               |                      |
|       |          |        | .....  |             |                         |                         |                      |
| 20/12 | PT 058   |        | Bán hàng cho công ty Thiết bị container            | 511<br>3331 | 17.000.000<br>1.700.700 |                         |                      |
| ....  | ....     | ....   | .....  | ...         | ....                    | ....                    | ....                 |
|       |          |        | <b>Cộng số phát sinh</b>                           |             | <b>438.799.200</b>      | <b>436.830.429</b>      |                      |
|       |          |        | <b>Số dư cuối kỳ</b>                               |             |                         |                         | <b>567.818.771</b>   |

Ngày 31.tháng 12.năm 2015

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

**Biểu 13:**

**CTY TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

**Lô 3.2G-Đình Vũ-Đông Hải-Hải An**

## SỔ CÁI

Tài khoản 111 : Tiền mặt

Năm 2015

| Ngày<br>tháng | Chứng từ |       | Diễn giải  | TKĐƯ'       | Số tiền                                |                                       |
|---------------|----------|-------|--|-------------|--|---------------------------------------|
|               | SH       | Ngày  |  |             | Nợ                                     | Có                                    |
|               |          |       | <u>Số dư đầu kỳ</u>                                    |             | <u>665.8.500.0</u>                     |                                       |
|               |          |       | .....  |             | <u>00</u>                              |                                       |
| 01/12         | PC003    | 01/12 | Mua mũ bảo hộ của công ty CP Bạch Mã                   | 156<br>133  |  | 6.909.090<br>690.910                  |
| 05/12         | PC012    | 05/12 | Mua cao bản của công ty TNHH Chí Chung                 | 156<br>133  |  | <b>18.000.000</b><br><b>1.800.000</b> |
| 06/12         | PC019    | 11/12 | Thanh toán tiền điện tháng 11                          | 642         |  | 10.500.000                            |
|               |          |       | .....  |             |  |                                       |
| 08/12         | PC035    | 08/12 | Công ty Hoa Sen thanh toán tiền cước nhận hàng         | 131         | <b>10.559.000</b>                      |                                       |
| 09/12         | GBC      | 16/12 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt            | 112         | 10.000.000                             |                                       |
|               |          |       | .....  |             |  |                                       |
| 12/12         | PC020    | 12/12 | Nguyễn Thành Công đề nghị thanh toán tiền sửa thiết bị | 642         |  | <b>5.500.000</b>                      |
|               |          |       | .....  |             |  |                                       |
| 20/12         | PT058    | 20/12 | Bán hàng cho công ty Thiết bị container                | 511<br>3331 | <b>17.000.000</b><br><b>1.700.7000</b> |                                       |
|               |          |       | .....  |             |  |                                       |
|               |          |       | <b>Số phát sinh trong kỳ</b>                           |             | <b>938.799.200</b>                     | <b>936.830.42</b>                     |



|  |  |  |                      |  |                    |   |
|--|--|--|----------------------|--|--------------------|---|
|  |  |  |                      |  |                    | 9 |
|  |  |  | <u>Số dư cuối kỳ</u> |  | <u>567.818.771</u> |   |

Ngày....tháng

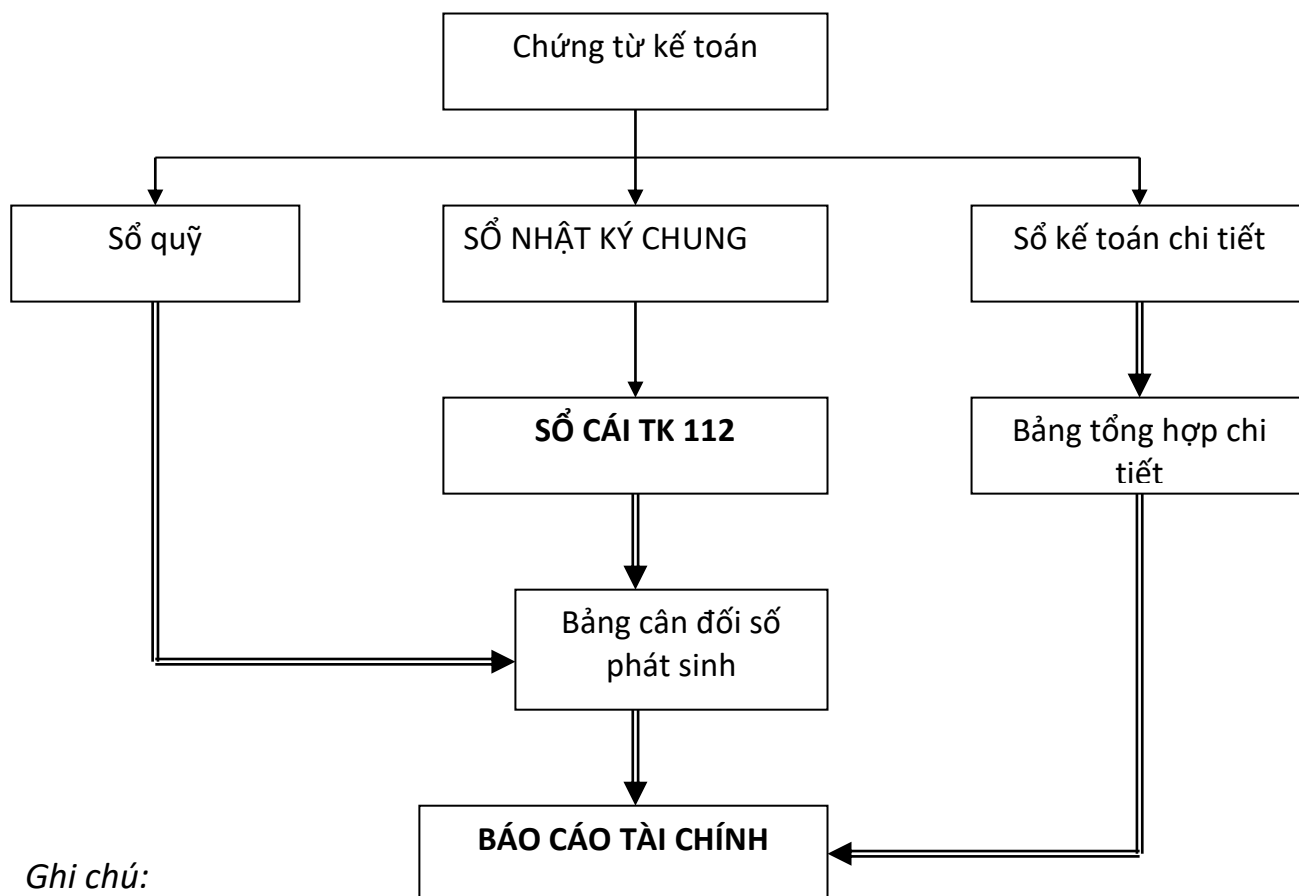
.....Năm

### **2.2.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

Kế toán tiền gửi ngân hàng: phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm các khoản tiền gửi ngân hàng. Khi nhận được chứng từ ngân hàng gửi đến thủ quỹ kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc. Nếu có sự chênh lệch thì công ty phải thông báo cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Hàng ngày thủ quỹ phải lập bảng kê tiền gửi ngân hàng và lưu lại các chứng từ vào sổ sách một cách rõ ràng và chính xác.

Tiền của doanh nghiệp phần lớn được gửi tại ngân hàng để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt.

- ❖ Hiện nay công ty có tài khoản tại các ngân hàng:
  - + Ngân hàng quốc tế VIB chi nhánh Hải Phòng
  - + Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Hải Phòng
- ❖ Tài khoản 112 được mở cho một tài khoản cấp 2 : TK 1121 ( Tiền Việt Nam), TK 1122 ( Ngoại tệ)
- ❖ Các chứng từ:
  - + Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu
  - + Giấy báo có, giấy báo nợ, giấy nộp tiền...
- ❖ Sổ sách sử dụng
  - + Sổ tiền gửi Ngân hàng
  - + Sổ Cái TK 112
- ❖ Quy trình hạch toán:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)
- .....> Đối chiếu, kiểm tra

### Sơ đồ: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THÀNH

Khi phát sinh một nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng, dựa vào các chứng từ gốc được gửi đến, kế toán TGNH tiến hành định khoản và ghi vào sổ có liên quan. Ngân hàng gửi các chứng từ đến DN để thông báo về số dư TK đầu ngày, số phát sinh, số dư cuối ngày hôm trước. Khi nhận được chứng từ của ngân hàng, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của doanh nghiệp với số liệu trên các chứng từ gốc của ngân hàng thì doanh nghiệp phải thông báo ngay cho ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Đến cuối tháng, nếu chưa xác định được nguyên

nhân thì phần chênh lệch được ghi vào bên **NỢ** của tài khoản 1381 “ Tài sản thiếu chờ xử lý” hoặc bên **CÓ** tài khoản 3381 “ Tài sản thừa chờ xử lý”. Sang tháng sau tiếp tục đối chiếu để tìm ra nguyên nhân kịp thời xử lý và điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái vào bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

### **2.2.3.1. Kế toán chi tiết tiền gửi ngân hàng**

#### **a. Các nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng**

##### **Ví dụ:**

Ngày 8/12/2015 công ty thanh toán tiền mua 2 xe nâng bàn loại 1000kg theo hóa đơn GTGT số 0058458 bằng chuyển khoản cho công ty Bạch Mã, tổng số tiền thanh toán là 16.500.000 VAT 10%

→ Căn cứ hóa đơn GTGT (liên 2) công ty gửi ủy nhiệm chi (biểu 15) tới ngân hàng VIB. Ngân hàng sau khi chi tiền sẽ chuyển giấy báo nợ (biểu 16) về công ty.

Kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ Nhật ký chung ( Biểu 11).

Nợ Tk 331 : 16.500.000

Có TK 112 :16.500.000

- Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 112 ( biểu )

- Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cộng số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối SPS. Sau khi đối chiếu kiểm tra , khớp đúng số liệu trên sổ cái TK 112 và bảng tổng hợp chi tiết TK 112 sẽ được dùng để lập BCTC.

**Biểu 14 :**

| <b>HÓA ĐƠN</b>  |                         |  | Mẫu số: 01GTKT-3LL |   |            |
|---|-------------------------|--|--------------------|---|------------|
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>   |                         |  | Ký hiệu: SP/2015B  |   |            |
| Liên 2: Giao cho khách hàng                                       |                         |  | <b>0058458</b>     |   |            |
| Ngày 08 tháng 12 năm 2015   |                         |  |                    |   |            |
| Đơn vị bán hàng: C.TY TNHH BẠCH MÃ                                |                         |  |                    |   |            |
| Mã số thuế: 0200475628  |                         |  |                    |   |            |
| Địa chỉ: Số 76-Tô Hiệu-Lê Chân-Hải Phòng                          |                         |  |                    |   |            |
| Số tài khoản:   |                         |  | Tại Ngân hàng:     |   |            |
| Điện thoại:   |                         |  |                    |   |            |
| Họ tên người mua hàng: C.TY TNHH GREEN LOGISTIC CENTRE            |                         |  |                    |   |            |
| Mã số thuế: 0200489620  |                         |  |                    |   |            |
| Số tài khoản: 009704060004426                                     |                         |  |                    |   |            |
| Địa chỉ: Lô 3.2G-Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng                |                         |  |                    |   |            |
| STT   | Tên hàng hóa, dịch vụ   | Đơn vị tính                            | Số lượng           | Đơn giá   | Thành tiền |
| A   | B                       | C                                      | 1                  | 2   | 3=1x2      |
| 1   | Xe nâng bàn loại 1000kg | Cái                                    | 2                  | 7.500.000   | 15.000.000 |
|   |                         |  |                    |   |            |
|   |                         |  |                    |   |            |
|   |                         |  |                    |   |            |
|   |                         |  |                    |   |            |
|   |                         |  |                    |   |            |
|   |                         |  |                    |   |            |
|   |                         |  |                    |   |            |
| Cộng tiền hàng:   |                         |  |                    | 15.000.000  |            |
| Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:                            |                         |  |                    | 1.500.000   |            |
| Tổng cộng tiền thanh toán   |                         |  |                    | 16.500.000  |            |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./. |                         |  |                    |   |            |
| Người mua hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên)                            |                         | Người bán hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên) |                    | Thủ trưởng đơn vị<br>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) |            |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>      |                         |  |                    |   |            |

**Biểu 15:**

| <b>ỦY NHIỆM CHI</b>                                   |               |   |              |
|---|---------------|---|--------------|
| Số: 112   |               |   |              |
| CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN                  |               |   |              |
| Lập ngày: 8/12/2010                                   |               | <b>PHẦN DO NGÂN<br/>HÀNG GHI<br/>TÀI KHOẢN CÓ<br/><br/>TÀI KHOẢN NỢ</b> |              |
| Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Bạch Mã            |               |   |              |
| Số tài khoản: 0200475628                              |               |   |              |
| Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển BIDV              |               | Tỉnh, TP: HP  |              |
| Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH GLC                 |               |   |              |
| Số tài khoản: 009704060004426                         |               |   |              |
| Tại ngân hàng: VIB                                    |               | Tỉnh, TP: HP  |              |
| Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng. |               | <b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ<br/>16.500.000</b>                                   |              |
| Nội dung chi: Chi tiền theo HĐ SP/2010B 0058458       |               |   |              |
| Đơn vị nhận tiền                                      | Ngân hàng.... | Ngân hàng....   |              |
| Kế toán   | Chủ tài       | Ghi sổ ngày...  |              |
|   | khoản         | Kế toán   | Trưởng phòng |
|   |               | kế toán   | kế toán      |

**Biểu 16:**

**NGÂN HÀNG VIB CHI NHÁNH HP**

Mã GDV:

Mã KH:

**GIẤY BÁO NỢ**

**Số:98**

*Ngày: 8/12/2015*

**Kính gửi:** Công ty TNHH Green Logistic Centre

Hôm nay, chúng tôi đã ghi báo Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ : 009704060004426

Số tiền bằng số : 16.500.000

Số tiền bằng chữ : Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng

Nội dung : Thanh toán theo HĐ SP/2010B 0058458

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

**Ví dụ 2:** Ngày 9/12/2015 công ty trả tiền mua máy tính dùng cho bộ phận giao hàng tại công ty Máy tính Hoàng Cường số tiền 85.000.000 theo hóa đơn GTGT số 0053272 chưa có VAT bằng chuyển khoản

➔ - Căn cứ hóa đơn GTGT (liên 2) công ty gửi ủy nhiệm chi tới ngân hàng VIB. Ngân hàng sau khi chi tiền sẽ chuyển giấy báo nợ (biểu 12) về công ty.

Kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng bút toán sau vào sổ Nhật ký chung.

Nợ TK 641 : 85.000.000

Nợ TK 133 : 8.500.000

Có TK 112 : 93.500.000

- Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 112

- Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cộng số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối SPS. Sau khi đối chiếu kiểm tra, khớp đúng số liệu trên sổ cái TK 112 và bảng tổng hợp chi tiết TK 112 sẽ được dùng để lập BCTC.

**Biểu 17:**

| <b>HÓA ĐƠN</b>  |                       |  | Mẫu số: 01GTKT-3   |   |            |
|---|-----------------------|--|--------------------|---|------------|
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>   |                       |  | Ký hiệu: SP/2015B  |   |            |
| Liên 2: Giao cho khách hàng   |                       |  | 0053272            |   |            |
| Ngày 09 tháng 12 năm 2015   |                       |  |                    |   |            |
| Đơn vị bán hàng: C.TY MÁY TÍNH HOÀNG CƯỜNG                            |                       |  |                    |   |            |
| Mã số thuế: 0200434569  |                       |  |                    |   |            |
| Địa chỉ:Số 236 - Lương Khánh Thiện - Hải Phòng                        |                       |  |                    |   |            |
| Số tài khoản: 0200473460  |                       |  | Tại Ngân hàng:BIDV |   |            |
| Điện thoại : 0313.785126  |                       |  |                    |   |            |
| Họ tên người mua hàng: C.TY TNHH GREEN LOGICTIS CENTRE                |                       |  |                    |   |            |
| Mã số thuế: 0200489620  |                       |  |                    |   |            |
| Số tài khoản: 009704060004426   |                       |  |                    |   |            |
| Địa chỉ: Lô 3.2G Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng                    |                       |  |                    |   |            |
| STT   | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính                            | Số lượng           | Đơn giá   | Thành tiền |
| A   | B                     | C                                      | 1                  | 2   | 3=1x2      |
| 1   | Máy tính DEL          | Bộ                                     | 10                 | 8.500.000   | 85.000.000 |
|   |                       |  |                    |   |            |
|   |                       |  |                    |   |            |
|   |                       |  |                    |   |            |
|   |                       |  |                    |   |            |
|   |                       |  |                    |   |            |
|   |                       |  |                    |   |            |
| Cộng tiền hàng:   |                       |  |                    | 85.000.000  |            |
| Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT:                                |                       |  |                    | 8.500.000   |            |
| Tổng cộng tiền thanh toán   |                       |  |                    | 93.500.000  |            |
| Số tiền viết bằng chữ: Chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./. |                       |  |                    |   |            |
| Người mua hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên)                                |                       | Người bán hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên) |                    | Thủ trưởng đơn vị<br>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) |            |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)                 |                       |  |                    |   |            |



**Biểu 18:**

| <b>ỦY NHIỆM CHI</b>                                  |         |                |              |   |              |
|--|---------|----------------|--------------|---|--------------|
| Số: 115  |         |                |              |   |              |
| CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN                 |         |                |              |   |              |
| Lập ngày: 9/12/2010                                  |         |                |              | <b>PHẦN DO NGÂN<br/>HÀNG GHI<br/>TÀI KHOẢN CÓ<br/><br/>TÀI KHOẢN NỢ</b> |              |
| Tên đơn vị nhận tiền: Công ty Máy tính Hoàng Cường   |         |                |              |   |              |
| Số tài khoản: 0200473460                             |         |                |              |   |              |
| Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển BIDV             |         | Tỉnh, TP: HP   |              |   |              |
| Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH GLC                |         |                |              |   |              |
| Số tài khoản: 009704060004426                        |         |                |              |   |              |
| Tại ngân hàng: VIB                                   |         | Tỉnh, TP: HP   |              |   |              |
| Số tiền bằng chữ: Chín ba triệu năm trăm nghìn đồng. |         |                |              |   |              |
| Nội dung chi: Chi tiền theo HĐ SP/2010B 0053272      |         |                |              |   |              |
| Đơn vị nhận tiền                                     |         | Ngân hàng....  |              | Ngân hàng....   |              |
| Kế toán  | Chủ tài | Ghi sổ ngày... |              | Ghi sổ ngày...  |              |
|  | khoản   | Kế toán        | Trưởng phòng | Kế toán   | Trưởng phòng |

**Biểu 19:**

**NGÂN HÀNG VIB CHI NHÁNH HP**

Mã GDV:

Mã KH:

**GIẤY BÁO NỢ**

**Số:112**

*Ngày: 9/12/2015*

**Kính gửi:** Công ty TNHH Green Logistic Centre

Hôm nay, chúng tôi đã ghi báo Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ : 009704060004426

Số tiền bằng số : 93.500.000

Số tiền bằng chữ : Chín mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

*b. Các nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng*

**Ví dụ 3:**

Ngày 10/12/2015 công ty TNHH 1 TV VIPCO thanh toán tiền cước nhận lô hàng rượu tết bằng chuyển khoản số tiền là 24.200.000 theo hóa đơn số SP/2015B 005860.

→ Căn cứ vào hóa đơn GTGT công ty gửi NHT tới ngân hàng. Ngân hàng sau khi thu được tiền gửi sẽ gửi giấy báo có về công ty.

Từ giấy báo có kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung.

Nợ TK 112: 24.200.000

Có TK 131: 24.200.000

Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ tiền gửi ngân hàng, Sổ cái TK 112

Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cộng số liệu trên sổ cái kế toán lập bảng cân đối SPS. Sau khi đối chiếu kiểm tra, khớp đúng số liệu trên sổ cái TK 112 và bảng tổng hợp chi tiết TK 112 sẽ được dùng để lập BCTC.

**Biểu 20:**

|  |  |   |
|--|--|---|
| <b>HÓA ĐƠN</b>   |  | Mẫu số: 01GTKT-3LL                                  |
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>  |  | Ký hiệu: SP/2015B                                   |
| Liên 1: Lưu  |  | 0005860   |
| <i>Ngày 10 tháng 12 năm 2015</i>                                     |  |   |
| Đơn vị bán hàng: C.TY TNHH Green Logistic Centre                     |  |   |
| Mã số thuế: 0200489620   |  |   |
| Địa chỉ: Lô 3.2G Đình Vũ-Đông Hải -Hải An -Hải Phòng                 |  |   |
| Số tài khoản: 009704060004426  |  | Tại Ngân hàng: VIB chi nhánh Hải Phòng              |
| Điện thoại:  |  |   |
| Họ tên người mua hàng: C.TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIPCO                |  |   |
| Mã số thuế: 0200681236.  |  |   |
| Số tài khoản: 009704064567862.                                       |  |   |
| Địa chỉ: Số 79-Đường Ngô Gia Tự-Lê Chân-Hải Phòng                    |  |   |
| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ                  | Thành tiền  |
| A  | B                                      |   |
| 1  | Cước rượu Tết                          | 22.000.000  |
|  | /                                      |   |
|  |  |   |
|  |  |   |
| Cộng tiền hàng:  |  | 22.000.000  |
| Thuế suất GTGT: 10% , Tiền thuế GTGT:                                |  | 2.200.000   |
| Tổng cộng tiền thanh toán  |  | 24.200.000  |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./. |  |   |
| Người mua hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên)                               | Người bán hàng<br>(Ký, ghi rõ họ, tên) | Thủ trưởng đơn vị<br>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>         |  |   |

**Biểu 21:**

**ỦY NHIỆM THU**

Số: 98

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THƯ, ĐIỆN

Lập ngày: 10/12/2010

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH GLC

Số tài khoản: 0200475628

Tại ngân hàng: VIB

Tỉnh, TP: HP

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH 1 thành viên VIPCO

Số tài khoản: 009704060004426

Tại ngân hàng: Đầu tư và phát triển BIDV

Tỉnh, TP: HP

Số tiền bằng chữ: Hai mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng .

Nội dung chi: Chi tiền theo HĐ SP/2010B 0005860

PHẦN DO NGÂN  
HÀNG GHI  
TÀI KHOẢN NỢ

TÀI KHOẢN CÓ

SỐ TIỀN BẰNG SỐ

24.200.000

Đơn vị nhận tiền

Ngân hàng....

Ngân hàng....

Kế toán

Chủ tài

Ghi sổ ngày...

Ghi sổ ngày...

khoản

Kế toán

Trưởng phòng

Kế toán

Trưởng phòng

**Biểu 22:**

**NGÂN HÀNG VIB CHI NHÁNH HP**

**GIẤY BÁO CÓ**

**Số:120**

*Ngày:10/12/2015*

**Kính gửi:** Công ty TNHH Green Logistic Centre

Hôm nay, chúng tôi đã ghi báo Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có : 009704060004426

Số tiền bằng số : 24.200.000

Số tiền bằng chữ : Hai mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng.

Nội dung : Thanh toán theo HĐ SP/2010B 0005860

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

**Biểu 11:**

**CTY TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

**Lô 3.2G Đình Vũ Đông Hải Hải An**

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

*Năm 2015*

*Đơn vị tính: VND*

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ |             | Diễn giải   | TKĐƯ'                           | Số phát sinh             |  |
|--------------------|----------|-------------|---|---------------------------------|--------------------------|--|
|                    | Số hiệu  | Ngày, tháng |   |                                 | Nợ                       | Có                                     |
| A                  | B        | C           | D   | H                               | 1                        | 2                                      |
|                    |          |             | <b>Số trạng trước chuyển sang</b>                                 |                                 |                          |  |
| 1/12               | PC003    | 1/12        | Mua gương kính của công ty Bạch Mã                                | 156<br>133<br>111               | 6.909.090<br>690.910     | 7.600.000                              |
| 8/12               | GBN98    | 8/12        | Thanh toán tiền mua 2 xe nâng bàn loại 1000kg cho công ty Bạch Mã | 331<br>112                      | 16.500.000               | 16.500.000                             |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |  |
| 9/12               | GBN112   | 9/12        | Trả tiền mua máy tính cho công ty Hoàng Cường                     | 331<br>112                      | 93.500.000               | 93.500.000                             |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |  |
| 10/12              | GBC120   | 10/12       | Công ty VIPCO thanh toán tiền nhận lô hàng rượu tết               | 112<br>131                      | 24.200.000               | 24.200.000                             |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |  |
| 12/12              | PC020    | 12/12       | Nguyễn Thành Công đề nghị tạm ứng tiền sửa thiết bị               | 642<br>111                      | 5.500.000                | 5.500.000                              |
| 13/12              | PC022    | 13/12       | Mua 1 máy điều hòa của công ty Samnec                             | 211<br>133<br>111               | 8.000.000<br>800.000     | 8.800.000                              |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |  |
| 20/12              | PT58     | 20/12       | Bán móc container cho công ty Thiết bị container                  | 632<br>156<br>111<br>511<br>333 | 15.000.000<br>18.700.000 | 15.000.000<br>17.000.000<br>12.793.000 |
|                    |          |             | .....   |                                 |                          |  |

*Hoàn thiện công tác kế toán Vốn bằng tiền tại công ty TNHH Green Logistic Centre*

|  |  |  |                             |  |                      |                      |
|--|--|--|-----------------------------|--|----------------------|----------------------|
|  |  |  | <b>Cộng chuyển sang sau</b> |  | <b>5.358.397.938</b> | <b>5.358.397.938</b> |
|--|--|--|-----------------------------|--|----------------------|----------------------|

*Ngày...tháng...năm*

**Kế toán ghi sổ  
đọc**

**Kế toán trưởng**

**Giám**



**Biểu 23:**

CTY TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE

Lô 3.2G Đình Vũ-Đông Hải-Hải An-Hải Phòng

**SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG**

Năm: 2015

Từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày         | Chứng từ     |              | Diễn giải  | TKĐƯ       | Số tiền            |                    |                    |
|--------------|--------------|--------------|--|------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|              | SH           | NT           |  |            | Thu                | Chi                | Tồn                |
|              |              |              | <b>Số dư đầu kỳ</b>  |            |                    |                    | <b>518.560.258</b> |
| ....         | ...          | ...          | .....  | ...        | ...                | ....               | ...                |
| 05/12        | GBN015       | 05/12        | Thanh toán tiền mua hàng cho công ty CP Hoàng Đạt bằng chuyển khoản      | 331        |                    | 13.450.000         |                    |
|              |              |              | .....  |            |                    |                    |                    |
| <b>08/12</b> | <b>GBN98</b> | <b>08/12</b> | <b>Thanh toán tiền mua 2 xe nâng bàn loại 1000kg cho công ty Bạch Mã</b> | <b>331</b> |                    | <b>16.500.000</b>  |                    |
| 09/12        | GBN 110      | 09/12        | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt                              | 111        |                    | 10.000.000         |                    |
| 09/12        | GBN112       | 09/12        | Trả tiền mua máy tính cho công ty Hoàng Cường                            | 331        |                    | 93.500.000         |                    |
|              |              |              | .....  |            |                    |                    |                    |
| 10/12        | GBC120       | 10/12        | <b>Công ty VIPCO thanh toán tiền nhận hàng rượu</b>                      | <b>131</b> | <b>24.200.000</b>  |                    |                    |
| 16/12        | GBC152       | 16/12        | Khách hàng ứng trước tiền bằng chuyển khoản                              | 131        | 10.000.000         |                    |                    |
|              |              |              | <b>Cộng số phát sinh</b>   |            | <b>452.325.560</b> | <b>436.830.429</b> |                    |
|              |              |              | <b>Số dư cuối kỳ</b>   |            |                    |                    | <b>534.055.389</b> |

**Biểu 24:**

**Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE**

**Lô 3.2G Đình Vũ-Đông Hải-Hải An**

## **SỔ CÁI**

Tài khoản 112 : Tiền gửi ngân hàng

Năm 2015

| Chứng từ |        | Diễn giải  | TKĐƯ | Số tiền                   |                    |
|----------|--------|--|------|---------------------------|--------------------|
| Ngày     | Số     |  |      | Nợ                        | Có                 |
|          |        | <b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>   |      | <b><u>818.560.258</u></b> |                    |
|          |        | .....  |      |                           |                    |
| 05/12    | GBN015 | Công ty cổ phần Hoàng Đạt thanh toán tiền mua hàng bằng chuyển khoản | 131  | 13.450.000                |                    |
|          |        | .....  |      |                           |                    |
| 08/12    | GBN98  | Thanh toán tiền mua 2 xe nâng bàn loại 1000kg cho công ty Bạch Mã    | 331  |                           | 16.500.000         |
| 09/12    | GBN110 | Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt                          | 111  |                           | 10.000.000         |
| 09/12    | GBN112 | Trả tiền mua máy tính cho công ty Hoàng Cường                        | 331  |                           | 93.500.000         |
|          |        | .....  |      |                           |                    |
| 10/12    | GBC120 | Công ty VIPCO thanh toán tiền nhận hàng rượu tết                     | 131  | 24.200.000                |                    |
|          |        | .....  |      |                           |                    |
|          |        | <b>Số phát sinh trong kỳ</b>   |      | <b>652.325.560</b>        | <b>636.830.429</b> |
|          |        | <b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>  |      | <b><u>834.055.389</u></b> |                    |

*Ngày....tháng...năm*

### **CHƯƠNG III**

## **MỘT SỐ BIỆN PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH 1TV GREEN LOGISTIC CENTRE**

### **3.1. Những nhận xét đánh giá chung về công tác tổ chức quản lý kinh doanh và công tác kế toán nói chung tại công ty**

Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty từ khi thành lập đến nay đã trải qua biết bao những khó khăn, thử thách để có thể tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Những năm qua ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước vượt qua mọi thử thách khẳng định được vị thế của mình. Đó là kết quả phấn đấu không ngừng nghỉ, liên tục của toàn công ty. Chính vì thế công ty đang ngày một lớn mạnh hơn, đem lại công ăn việc làm cho nhiều lao động và góp phần không nhỏ vào Ngân sách Nhà nước.

- **Về mô hình quản lý sản xuất kinh doanh:** Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa, công ty đã tìm ra cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho phù hợp và hiệu quả nhất. Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả luôn động viên cán bộ công nhân viên đoàn kết cùng nhau làm việc tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của công ty. Công ty đã ngày càng ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế và tạo dựng được lòng tin với khách hàng. Điều này chứng tỏ sự nhạy bén trong quản lý và sự cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã trở thành đòn bẩy tích cực trong quá trình đi lên của công ty. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã thực hiện được xuất sắc các kế hoạch kinh doanh và những nhiệm vụ đề ra trong từng thời kỳ cụ thể.

- **Về công tác kế toán:** Công ty áp dụng theo hình thức Nhật ký chung. Đây

cũng là hình thức phù hợp với loại hình hoạt động kinh doanh của công ty. Hình thức này hạn chế được lượng sổ sách cồng kềnh, kiểm soát được mọi hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời, thuận tiện cho việc phân công công việc. Đặc biệt công tác kế toán còn có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nên giảm nhẹ được khối lượng công việc nhưng vẫn cung cấp được thông tin kế toán một cách nhanh chóng, đầy đủ, chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

- **Về bộ máy kế toán:** của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán viên được phân công công việc rõ ràng. Trình độ tay nghề của kế toán không ngừng được nâng cao, được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, biết vận dụng những phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt hiệu quả cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng và số liệu luôn chính xác.

### **3.2. Nhận xét về công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty.**

#### ***3.2.1. Ưu điểm***

Công tác hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng, nhờ nhận thức được rõ điều này mà công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền, cụ thể:

- **Bộ máy kế toán:** để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng ở công ty đã được quan tâm chú trọng ở một mức độ nhất định với các biện pháp kinh tế nói chung. Với bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kết hợp tập trung và phân tán đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra chỉ đạo và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Chứng từ kế toán và tổ chức luân chuyển chứng từ:** các thủ tục liên quan đến vốn bằng tiền được cập nhật hàng ngày một cách đầy đủ. Từ những công việc

hạch toán ban đầu cho đến việc kiểm tra chứng từ một cách hợp lý được tiến hành cẩn thận, tránh tình trạng xảy ra sai sót, đảm bảo số liệu được phản ánh rõ ràng, hợp lý và dễ hiểu. Trong công tác theo dõi vốn bằng tiền, kế toán vốn bằng tiền được tiến hành chặt chẽ theo quy định luân chuyển chứng từ. Chứng từ được ghi chép và đóng quyển theo thứ tự thuận lợi cho việc kiểm tra.

- **Về sổ sách kế toán:** kế toán đã sử dụng đầy đủ sổ sách để theo dõi đầy đủ tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng như: sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng, sổ cái TK 111, TK 112 được thể hiện trong quá trình hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Các sổ sách có tính đối chiếu cao, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Về hạch toán kế toán:** kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán và các nghiệp vụ này được ghi theo trình tự thời gian rất hợp lý thuận tiện cho việc theo dõi.

+ Hạch toán tiền mặt: việc lập sổ quỹ tiền mặt được căn cứ trực tiếp vào các phiếu thu, phiếu chi hàng ngày giúp cho việc quản lý tiền mặt được hiệu quả. Kế toán tiền mặt có thể đối chiếu các số liệu này với sổ quỹ một cách nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác, giúp phát hiện được những chênh lệch, tìm ra được nguyên nhân và kiến nghị những biện pháp xử lý chênh lệch kịp thời.

+ Hạch toán tiền gửi ngân hàng: việc lập sổ tiền gửi ngân hàng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có cũng giúp cho kế toán tiện việc theo dõi, quản lý lượng tiền gửi một cách tốt hơn.

- **Đào tạo nhân lực:** công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao trình độ cán bộ trong toàn công ty đặc biệt đối với đội ngũ kế toán bằng cách cho nhân viên đi học các lớp đào tạo tay nghề, mở rộng tầm hiểu biết đồng thời nắm bắt được những thay đổi của chế độ kế toán hiện hành. Bên cạnh đó công ty luôn cập nhật những thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và công tác hạch toán vốn bằng tiền kịp thời thay đổi sao cho phù hợp với chuẩn mực kế toán.

### **3.3.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm, không thể tránh khỏi những mặt hạn chế đối với công tác kế toán tại công ty nói chung và đối với hạch toán kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Cụ thể là một số vấn đề sau:

**1\_Không sử dụng bảng kê chi tiền:** do đó không liệt kê được các khoản tiền đã chi để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi, gây khó khăn cho việc quản lý, đối chiếu kiểm tra số liệu.

**2\_Hạch toán tiền đang chuyển:** do phạm vi của công ty đang ngày một mở rộng nên đôi khi thủ tục thanh toán đã được thực hiện nhưng công ty chưa nhận được giấy báo có, giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng mà hiện nay công ty lại không sử dụng TK 113 – Tiền đang chuyển để theo dõi. Điều này không phản ánh đúng trách nhiệm quản lý vốn.

**3\_Kế toán không tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ:** lượng tiền mặt hàng ngày của công ty giao dịch là rất lớn, việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn chế được những sai sót nhầm lẫn hoặc các hành vi gian lận trong quản lý quỹ tiền mặt nhưng kế toán không tiến hành kiểm kê định kỳ. Do đó không xác định được số chênh lệch giữa tiền tồn quỹ thực tế với số quỹ để từ đó tăng cường quản lý và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch

**4\_Công ty chưa ứng dụng tin học vào công tác kế toán:** hiện nay công ty chưa có phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được thời gian lao động của nhân viên kế toán.

### **3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty**

#### ***3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty***

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào trong môi trường kinh tế đầy cạnh tranh hiện nay thì yêu cầu sống còn là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường để có thể tồn tại

và phát triển. Muốn làm được điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển tốt, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là một trong các biện pháp tích cực phát triển hoạt động kinh doanh của công ty.

Công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty nói riêng và các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế nói chung đều chiếm một tỷ lệ lớn trong vốn kinh doanh. Hoàn thiện tốt công tác kế toán vốn bằng tiền là đảm bảo các chế độ, chính sách về quản lý lượng tiền trong doanh nghiệp, đảm bảo được tính an toàn, tránh xảy ra mất mát, lãng phí khi quản lý vốn. Mọi công tác tổ chức phải hợp lý và chính xác để việc hạch toán được dễ dàng. Qua đó sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin cho công ty về tình hình quản lý vốn, thanh toán kịp thời các khoản nợ phải thu, phải trả giúp cho công ty sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, tránh lãng phí, ứ đọng, thiếu hụt.

### ***3.3.2. Yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty***

Hoàn thiện công tác kế toán tại công ty phải đảm bảo phù hợp với công tác kế toán tại công ty, khắc phục được những hạn chế đã tồn tại. Mọi thay đổi phải theo quy định của Nhà nước không được làm trái với quy định của Nhà nước đề ra. Muốn vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung và tổ chức kế toán vốn bằng tiền nói riêng cần phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Phải tuân thủ chế độ tài chính và chế độ kế toán hiện hành
- Phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty
- Tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả, khi

phát hiện ra sai sót phải kịp thời sửa chữa.

### ***3.3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE***

Trong thời gian thực tập tại công ty, áp dụng những kiến thức lý thuyết trên nhà trường và thực tế, với mong muốn đóng góp một phần công sức của mình vào công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty, làm cho kế toán thực sự trở thành một công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả, em xin nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty như sau:

**1\_ Hoàn thiện bảng kê chi tiền:** kế toán vốn bằng tiền nên mở Bảng kê chi tiền nhằm mục đích liệt kê các khoản tiền đã chi, để làm căn cứ quyết toán các khoản tiền đã chi và ghi sổ kế toán. Bảng kê chi tiền được mở theo mẫu sau:



Đơn vị:.....

Mẫu số 09 - TT

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BẢNG KÊ CHI TIỀN

Ngày...tháng...năm...

Họ và tên người chi:.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Chi cho công việc:.....

| STT | Chứng từ |             | Nội dung chi | Số tiền |
|-----|----------|-------------|--------------|---------|
|     | Số hiệu  | Ngày, tháng |              |         |
| A   | B        | C           | D            | 1       |
|     |          |             |              |         |
|     |          |             |              |         |
|     |          |             | Cộng         |         |

- Số tiền viết bằng chữ: .....

- Kèm theo.....chứng từ gốc

Ngày .... tháng .... năm...

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2\_Công ty nên sử dụng ngoại tệ:** công ty nên sử dụng ngoại tệ để việc thanh toán diễn ra thuận lợi và dễ dàng hơn đối với khách hàng là những công ty liên doanh, công ty nước ngoài hoặc công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Khi đó kế toán sẽ hạch toán vào TK 1112 (Ngoại tệ), khi sử dụng phải phải ánh chênh lệch giữa tỷ giá thực tế và tỷ giá thanh toán.

**3\_Công ty nên hạch toán tiền đang chuyển:** hiện nay công ty không sử dụng tài khoản 113 – Tiền đang chuyển để hạch toán. Đây là số tiền của doanh nghiệp đang trong quá trình xử lý như chuyển tiền đang gửi vào ngân hàng, chuyển trả cho khách hàng qua đường bưu điện nhưng chưa nhận được giấy báo có, đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng. Thường doanh nghiệp không dùng tài khoản này mà chờ nghiệp vụ chuyển tiền hoàn thành rồi hạch toán vì thường tiền chuyển qua ngân hàng chỉ phải chờ một vài ngày là người thụ hưởng sẽ nhận được tiền. Nhưng nó sẽ ảnh hưởng nếu rơi vào cuối kỳ kế toán hàng tháng hay năm. Trường hợp cuối tháng lên báo cáo tài chính mà có phát sinh tiền khách hàng đã chuyển. Nếu nghiệp vụ này không sử dụng TK 113 thì số dư công nợ cuối năm trên báo cáo tài chính không chính xác và sẽ gặp khó khăn khi xác nhận số dư công nợ với khách hàng khi có kiểm toán vì vậy công ty nên sử dụng TK 113 để hạch toán đảm bảo được tính chính xác.

**4\_Về hình thức thanh toán:** hiện nay rất nhiều các doanh nghiệp thực hiện việc thanh toán thông qua ngân hàng đối với những khoản thanh toán cần một lượng tiền mặt lớn. Điều này sẽ thuận tiện và an toàn hơn trong phương thức thanh toán bởi hiện nay hệ thống ngân hàng rất phát triển trên toàn quốc và quốc tế, không chỉ các ngân hàng Nhà nước mà hệ thống các ngân hàng tư nhân cũng ngày càng nhiều với nhiều dịch vụ và tiện ích. Với công nghệ hiện tại và tiên tiến, việc chuyển tiền giữa các ngân hàng sẽ diễn ra nhanh chóng và thuận tiện. Hơn nữa việc thanh toán qua ngân hàng sẽ đảm bảo được an toàn cho quỹ tiền mặt,

an toàn cho đồng tiền trong quá trình vận chuyển, tránh xảy ra tình trạng mất mát.

**5\_Hoàn thiện công tác quản lý quỹ tiền mặt:** kế toán nên tiến hành kiểm kê quỹ định kỳ vào cuối tháng, cuối quý, cuối năm có thể là đột xuất khi có nhu cầu hoặc khi bàn giao quỹ để xác định được số chênh lệch (nếu có) giữa tiền Việt Nam tồn quỹ thực tế với sổ quỹ để từ đó tăng cường quản lý quỹ và làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ kế toán chênh lệch. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, phải lập biên bản kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán tiền mặt hoặc kế toán thanh toán là các thành viên. Trước khi kiểm kê quỹ, thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và tính số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê. Mọi khoản chênh lệch phải báo cáo giám đốc xem xét. Khi tiến hành kiểm kê quỹ, ban kiểm kê quỹ phải lập biên bản kiểm kê quỹ thành 2 bản:

- + Một bản lưu ở thủ quỹ
- + Một bản lưu ở kế toán quỹ tiền mặt hoặc kế toán thanh toán

Bản kiểm kê quỹ được lập theo mẫu sau:

Đơn vị:.....

Mẫu số 08a - TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BẢN KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Hôm nay, vào....ngày....tháng....năm

Chúng tôi gồm:

Ông (bà): .....

Ông (bà): .....

Ông (bà): .....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn giải                 | Số lượng | Số tiền |
|-----|---------------------------|----------|---------|
| A   | B                         | 1        | 2       |
| I   | Số dư theo sổ quỹ         | x        |         |
| II  | Số kiểm kê thực tế        | x        |         |
| 1   | Trong đó: - Loại          |          |         |
| 2   | Loại                      |          |         |
| 3   | Loại                      |          |         |
| 4   | Loại                      |          |         |
| 5   | .....                     |          |         |
| III | Chênh lệch (III = I – II) | x        |         |

Lý do: Thừa: .....

Thiếu: .....

Kế luận sau khi kiểm kê quỹ: .....

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

**Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**

(Ký, họ tên,)

**6\_Công ty nên sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** công ty nên tiến hành lập báo cáo tài lưu chuyển tiền tệ để giúp các nhà quản lý có được quyết định nhanh chóng và chính xác hơn.

**7\_Hoàn thiện về vấn đề ứng dụng tin học trong công tác kế toán:** công ty nên áp dụng kế toán trên máy bằng việc sử dụng phần mềm kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán do đó công ty có thể lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Mặc dù công tác kế toán hiện nay tại công ty đã có sự hỗ trợ của phần mềm tin học Microsoft Excel, song đối với công tác kế toán thì đây chưa phải là phần mềm mang lại hiệu quả tối ưu nhất. Vì vậy công ty nên đặt mua phần mềm kế toán áp dụng riêng cho hình thức kế toán Nhật ký chung tại công ty.

Tóm lại trong điều kiện kinh doanh hiện nay công ty nên tìm cho mình một giải pháp riêng vừa phát huy được những thế mạnh nhưng đồng thời cũng phải khắc phục được những mặt hạn chế từng bước hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng nhằm tăng lợi nhuận và khẳng định được vị trí của công ty trên lĩnh vực kinh doanh.

## **KẾT LUẬN**

Công tác kế toán vốn bằng tiền trong các doanh nghiệp là rất cần thiết và vô cùng quan trọng. Thông qua kế toán vốn bằng tiền chúng ta có thể phản ánh được tình hình tăng, giảm các loại vốn bằng tiền của doanh nghiệp. Qua đó giúp các nhà quản lý nắm bắt được tình hình, đưa ra những quyết định trong quản lý kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp của mình. Bởi vậy kế toán vốn bằng tiền cần được hoàn thiện để cung cấp thông tin chính xác cho các nhà quản trị doanh nghiệp.

Khóa luận: **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE”** đã phần nào nêu ra được những biện pháp hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung. Khóa luận đề cập đến một số vấn đề cơ bản sau:

- **Về mặt lý luận:** Khóa luận đã nêu và hệ thống hóa được những vấn đề cơ bản về Vốn bằng tiền và kế toán vốn bằng tiền, các phương pháp hạch toán Vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp

- **Về mặt thực tế:** Phản ánh rất khách quan tình hình hạch toán kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE và lấy số liệu năm 2015 để chứng minh.

- **Về mặt kiến nghị:** Thông qua việc đối chiếu lý luận với thực tiễn và chế độ chính sách hiện hành, áp dụng chế độ Nhà nước tại Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE, khóa luận đã nêu ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty. Các kiến nghị đều dựa trên cơ sở thực tiễn và đều mang tính khả thi tuy nhiên cũng không tránh khỏi màu sắc lý thuyết nên rất mong được doanh nghiệp tham khảo.

Do kiến thức thực tế chưa nhiều và thời gian thực tập còn hạn chế nên bài Khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự đóng

góp của các cô chú trong ban lãnh đạo, các anh chị phòng kế toán của công ty và sự chỉ dạy của thầy cô để Khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới ban lãnh đạo Công ty TNHH 1 TV GREEN LOGISTIS CENTRE, các cô chú, anh chị tại phòng kế toán đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thực tập vừa qua. Bên cạnh đó em cũng xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh đặc biệt là thầy giáo hướng dẫn đã trực tiếp hướng dẫn em hoàn thành bài Khóa luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

*Hải Phòng, ngày ....tháng....năm 2016*

*Sinh viên:*

**Nguyễn Tuấn Anh**